

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

a) Tên gói thầu: Gói thầu 10: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Nâng cấp lưới điện khu vực Điện lực Mỹ Tho năm 2026 và công trình Xây dựng lộ ra trạm 110kV Tân Mỹ Chánh.

b) Quy mô gói thầu:

❖ Công trình Nâng cấp lưới điện khu vực Điện lực Mỹ Tho năm 2026:

- Xây dựng mới đường dây trung áp 3 pha ngầm dài 0,702km.
- Xây dựng mới đường dây trung áp 3 pha dài 4,563km.
- Cải tạo đường dây trung áp 3 pha dài 6,691km.
- Xây dựng mới đường dây hạ áp 3 pha dài 5,858km.
- Xây dựng mới đường dây hạ áp 3 pha ngầm dài 0,954km
- Cải tạo, nâng cấp đường dây hạ áp 3 pha dài 30,079km.
- Lắp mới 27 trạm biến áp, cụ thể:
 - + Trạm biến áp 3 pha 400kVA: 04 trạm.
 - + Trạm biến áp 3 pha 250kVA: 23 trạm.
- Nâng công suất 22 trạm biến áp, cụ thể:
 - + Trạm biến áp 3 pha 1x250kVA thành 3 pha 1x400kVA: 01 trạm.
 - + Trạm biến áp 3 pha 1x320kVA thành 3 pha 1x400kVA: 04 trạm.
 - + Trạm biến áp 1 pha 1x100kVA thành 3 pha 1x250kVA: 05 trạm.
 - + Trạm biến áp (25+25+25)kVA thành 3 pha 1x250kVA: 01 trạm.
 - + Trạm biến áp 1 pha 1x75kVA thành 3 pha 1x250kVA: 04 trạm.
 - + Trạm biến áp 1 pha 1x(50+75)kVA thành 3 pha 1x250kVA: 02 trạm.
 - + Trạm biến áp 1 pha 1x(37,5+50)kVA thành 3 pha 1x250kVA: 01 trạm.
 - + Trạm biến áp 1 pha 2x37,5kVA thành 3 pha 1x250kVA: 01 trạm.
 - + Trạm biến áp 3 pha 3x50kVA thành 3 pha 1x250kVA: 02 trạm.
 - + Trạm biến áp 3 pha 3x25kVA thành 3 pha 3x75kVA: 01 trạm.
- Di dời 11 trạm biến áp, cụ thể:
 - + Trạm biến áp 50kVA di dời : 03 trạm.
 - + Trạm biến áp 250kVA di dời: 01 trạm.
 - + Trạm biến áp 3x37,5kVA di dời: 03 trạm.
 - + Trạm biến áp 3x37,5kVA di dời: 04 trạm.
 - + Lắp mới LBS 24kV 630A: 03 bộ.
 - + Lắp mới DS 1 pha: 09 bộ.

❖ **Công trình Xây dựng lộ ra trạm 110kV Tân Mỹ Chánh:**

- Xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha (ngâm) dài: 0,21 km.
- Xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha dài: 8,096 km.
- Cải tạo đường dây trung thế 3 pha (2 mạch) dài: 3,093 km.
- Cải tạo đường dây trung thế 3 pha (1 mạch) dài: 13,139 km.
- Kéo dây chống sét dài: 24,328 km.
- Kéo tăng cường, cải tạo dây trung hòa dài: 16,232 km.
- Cải tạo, di dời đường dây hạ thế lên cột mới thay dài: 21,235 km.
- Lắp mới Recloser 24kV 630A: 04 bộ.
- Lắp mới LBS 24kV 630A: 08 bộ.
- Lắp mới DS 1 pha: 66 bộ.
- Tháo, lắp lại 62 trạm biến áp 1 pha, 3 pha các loại, trong đó:
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 25kVA: 04 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 37,5kVA: 04 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 50kVA: 18 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 75kVA: 07 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 100kVA: 08 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 2x25kVA: 03 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 1 pha 2x50kVA: 04 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 3 pha 3x25kVA: 02 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 3 pha 3x37,5kVA: 03 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 3 pha 3x50kVA: 03 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 3 pha 250kVA: 05 trạm.
 - + Tháo, lắp lại trạm biến áp 3 pha 400kVA: 01 trạm.

c) Địa điểm xây dựng: Các Phường Mỹ Phong, Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Trung An, Thới Sơn, Mỹ Phong và các xã Long Định, Kim Sơn, Long Hưng, Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thời hạn hoàn thành: 120 ngày tính từ ngày khởi công đến khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu (bao gồm các công việc: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng; Hoàn trả VTTB thu hồi, VTTB A cấp thừa; Tổ chức nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu). Thời gian thực hiện gói thầu bao gồm ngày Thứ bảy, Chủ nhật, trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
3			
...			

1. Kế hoạch thi công không cắt điện và có cắt điện phục vụ thi công công trình:

1.1 Số lần cắt điện thi công:

❖ Công trình Nâng cấp lưới điện khu vực Điện lực Mỹ Tho năm 2026:

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
1	Ngày 1	1/4	XDM tuyến trung áp tuyến Lộ Me.				x	Mỹ Lợi 6	- XDM ĐDDT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 883m - Trồng 26 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 27 trụ HT - TGLL: 39 hộp đk, 64 NR khách hàng	25 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/4					x	Lộ Đình 7		25 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/4					x	Lộ Đình 7		25 người	xe cẩu	
	Ngày 4	4/4		x				D356		25 người	xe cẩu	
2	Ngày 1	1/3	XDM tuyến trung áp đường Nguyễn Văn Giác				x	Nguyễn Trung Trực	- XDM ĐDDT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 389m - Trồng 09 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 15 trụ HT - Cài tạo lưới HT 3P hiện hữu dài 760m - TGLL: 38 hộp đk, 67 NR khách hàng	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x	Nguyễn Trung Trực		20 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3		x				D57		20 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
3	Ngày 1	1/1	XDM tuyến trung áp đường Phan Thanh Giản		x		x	D50, CB trạm Học Lạc	- XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 29m - Trồng 01 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 01 trụ HT, 02 trụ TT - TGLL: 04 hộp đk, 06 NR khách hàng	12 người	xe cẩu	
4	Ngày 1	1/1	XDM tuyến trung áp cấp điện Công An Tỉnh		x		D23		- XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 195m - Trồng 04 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 01 trụ TT - TGLL: 02 hộp đk, 03 NR khách hàng	15 người	xe cẩu	
5	Ngày 1	1/1	XDM tuyến trung hạ áp và TBA cấp điện dọc trục TL864 mới XD		x			D9, D52	- XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 1.346m - Trồng 35 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 42 trụ HT - TGLL: 62 hộp đk, 97 NR khách hàng	50 người	xe cẩu	
6	Ngày 1	1/2	XDM tuyến trung áp cấp điện khu Dệt Lộ Ma Dân		x			D23	- XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 258m - Trồng 08 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 08 trụ TT - TGLL: 13 hộp đk, 21 NR khách hàng	25 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
	Ngày 2	2/2				x		NR 47201-7		25 người	xe cẩu	
7	Ngày 1	1/3	XDM tuyến trung áp cấp điện đường Hồ Văn Nhánh					x Đinh Bộ Lĩnh 1A	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 411m - Trồng 14 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 12 trụ HT, 04 trụ TT - TGLL: 20 hộp đk, 34 NR khách hàng 	25 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x Đinh Bộ Lĩnh 1A	25 người		xe cẩu		
	Ngày 3	3/3				x NR 47381-7		25 người		xe cẩu		
8	Ngày 1	1/1	XDM tuyến trung áp dọc trục Tỉnh lộ 878		x			D477	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P dây 3xACXH70+1AC50 dài 1.155m - Trồng 27 vị trí trụ BTLT 14m, 02 vị trí trụ BTLT 18m - XDM HT 3P ABC4x120 dài 1.610m - Trồng 1 vị trí trụ 10,5m, 28 vị trí trụ 8,5m 	50 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
9	Ngày 1	1/1	Cải tạo tuyến dây trung áp NR Cầu Hùng Vương 7 (trụ 20 đến 29)			x		NR 47105-7	- Cải tạo dây CXV25 thành 3xACXH70+1AC50 dài 315m - TGLL: 09 hộp đk, 14 NR khách hàng	18 người	xe cẩu	
10	Ngày 1	1/2	Cải tạo dây trung áp tuyến 476MT2 (trụ 89-131)		x			D50, D11	- Cải tạo dây 4AC120 thành 3xACXH185+1AC120 dài 1.778m - Trồng 14 vị trí trụ BTLT 14m - Thu hồi 07 trụ HT, 06 trụ TT - TGLL: 22 hộp đk, 35 NR khách hàng	50 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2			x			D50, D11		50 người	xe cẩu	
11	Ngày 1	1/1	Nâng cấp ĐDTT 1P 12,7kV lên 3P 22kV NR Áp 5 Trung An 2		x			D12, D102	- Cải tạo dây TT hiện hữu thành 3xACXH185+1AC120 dài 10m - Trồng 02 vị trí trụ BTLT 20m - Thu hồi 01 trụ TT - TGLL: 03 hộp đk, 04 NR khách hàng	25 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
12	Ngày 1	1/6	Cải tạo và XDM tuyến dây trung thế cấp điện N-1 (liên kết trạm Bình Đức và trạm Châu Thành)			x		NR 4742-7	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT mạch 2 dây 3xACXH185+1AC120 (tầng trên) dài 2.612m, dây 3xAC240+1AC120 (tầng trên) dài 753m - Cải tạo 3ACX120+AC70>3AC240+AC150 dài 601m - Trồng 84 vị trí trụ BTLT 16m, tháp sắt đầu trụ: 30 vị trí - Thu hồi 35 trụ HT, 31 trụ TT - TGLL: 103 hộp đk, 160 NR khách hàng 	60 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/6				x		NR 4742-7		60 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/6				x		NR 47306-7		60 người	xe cẩu	
	Ngày 4	4/6				x		NR 47306-7		60 người	xe cẩu	
	Ngày 5	5/6		x				474BĐ, 478BĐ		60 người	xe cẩu	
	Ngày 6	6/6			x			D101		60 người	xe cẩu	
13	Ngày 1	1/1	Cải tạo dây trung hoà NR 4721-7			x		Nr 4721-7	- Nâng cấp dây trung hòa từ AC35 thành AC70: dài 622m	12 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
1	Ngày 1	1/2	XDM tuyến hạ áp hẻm rạch Cầu Bần-Mỹ Phong				x	Lê Văn Nghè	- XDM HT 3P dây ABC4x120 dài 395m - Cài tạo HT3P hiện hữu dài 700m	12 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2					x	Lê Văn Nghè		12 người	xe cầu	
2	Ngày 1	1/1	XDM tuyến hạ áp dọc trục đường hẻm khách sạn 7777 trạm Khu Sao Mai				x	Sao Mai	- XDM HT 3P dây ABC4x120 dài 100m	5 người	xe cầu	
3	Ngày 1	1/2	XDM tuyến dây hạ áp cấp điện hẻm trụ 03H; 04H trạm Lý Thường Kiệt 8(1x250kVA).				x	LTK 8	- XDM HT 3P dây ABC4x120 dài 374m - Trồng 12 vị trí trụ BTLT 8,5m	25 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2					x	LTK 8		25 người	xe cầu	
4	Ngày 1	1/1	XDM tuyến dây hạ áp đầu nối trụ 35 cạnh D17				x	Mỹ Phong 2	- XDM HT 3P dây ABC4x120 dài 154m - Trồng 05 vị trí trụ BTLT 8,5m	15 người	xe cầu	
5	Ngày 1	1/1	XDM tuyến hạ áp hẻm trụ TT23 trạm Áp 8 Trung An (kiến nghị cử tri)				x	áp 8 Trung An	- Cài tạo HT 3P hiện hữu dài 219m	10 người	xe cầu	
6	Ngày 1	1/1	Cài tạo nâng cấp lưới hạ áp trạm Bình Tạo 11 (hẻm quán com Việt Nam)				x	Bình Tạo 1	- Cài tạo HT 3P hiện hữu dài 471m	15 người	xe cầu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
7	Ngày 1	1/2	Cải tạo lưới hạ áp trạm QL50-3A (NR cấp điện khu dân cư Ao Cá)				x	QL50-3A	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp HT 1P lên 3P dài 318,6m - Trồng 01 vị trí trụ BTLT 8,5m - Thu hồi 20 trụ BTLT 7,5m - TGLL 01 hộp đk, 02 NR khách hàng 	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2					x	QL50-3A		20 người	xe cẩu	
8	Ngày 1	1/2	Cải tạo nâng cấp đường dây hạ áp trạm Nguyễn Văn Bảy				x	Nguyễn Văn Bảy	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp HT 1P lên 3P dài 978m - Trồng 06 vị trí trụ BTLT 8,5m, 29 vị trí trụ BTLT 10,5m - Thu hồi 34 trụ BTLT 7,5m, 01 trụ BTLT 12m. - TGLL 33 hộp đk, 61 NR khách hàng 	40 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2					x	Nguyễn Văn Bảy		40 người	xe cẩu	
9	Ngày 1	1/2	Cải tạo lưới hạ áp trạm Trung Lương 7				x	Trung Lương 7	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp HT 3P dài 548m - Trồng 06 vị trí trụ BTLT 8,5m, 02 vị trí trụ BTLT 10,5m - Thu hồi 02 trụ BTLT 7,5m, 05 trụ 8,5m - TGLL 08 hộp đk, 15 NR khách hàng 	15 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
	Ngày 2	2/2					x	Trung Lương 7		15 người	xe cầu	
10	Ngày 1	1/3	Cải tạo lưới hạ áp trạm Ty Lương Thực				x	Ty Lương Thực	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo HT 3P dài 677m. - Nâng cấp HT 1P lên 3P dài 595m - Trồng 03 vị trí trụ BTLT 8,5m, 05 vị trí trụ BTLT 10,5m - Thu hồi 34 trụ BTLT 7,5m, 10 trụ BTLT 8,5m. - TGLL 12 hộp đk, 24 NR khách hàng 	30 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3					x	Ty Lương Thực		30 người	xe cầu	
	Ngày 3	3/3					x	Ty Lương Thực		30 người	xe cầu	
11	Ngày 1	1/3	Cải tạo lưới hạ áp trạm Cầu Đò 1				x	Cầu Đò 1	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo HT 3P dài 973m. - Nâng cấp HT 1P lên 3P dài 478m - Trồng 28 vị trí trụ BTLT 8,5m, 01 vị trí trụ BTLT 10,5m. - Thu hồi 31 trụ BTLT 7,5m - TGLL 31 hộp đk, 58 NR khách hàng 	30 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3					x	Cầu Đò 1		30 người	xe cầu	
	Ngày 3	3/3					x	Cầu Đò 1		30 người	xe cầu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
12	Ngày 1	1/2	NC lưới hạ áp trạm Mỹ Lợi 2A				x	Mỹ Lợi 2A	- Cải tạo lưới HT 1P lên 3P dài 478m - TGLL 3 hộp đk, 06 NRKH - Trồng mới 03 vị trí trụ 8,5m	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2					x	Mỹ Lợi 2A		20 người	xe cẩu	
13	Ngày 1	1/1	Cải tạo lưới HA trạm Lê Văn Phẫm				x	Lê Văn Phẫm	- Cải tạo HT 3P ABC4x120 dài 325m	15 người	xe cẩu	
14	Ngày 1	1/3	Cải tạo lưới HA trạm Áp 5 Trung An 2A				x	Áp 5 Trung An 2A	- Cải tạo HT 3P ABC4x120 dài 722m - Trồng 21 vị trí trụ BTLT 8,5m - Thu hồi 21 trụ BTLT 7,5m - TGLL 15 hộp đk, 28 NR Khách hàng	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x	Áp 5 Trung An 2A		20 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3					x	Áp 5 Trung An 2A		20 người	xe cẩu	
15	Ngày 1	1/1	Cải tạo nâng cấp lưới HA trạm Cơ Khí 1/5				x	Cơ Khí 1/5	- Cải tạo HT 3P ABC4x120 dài 743m	15 người	xe cẩu	
			Phân trạm biến áp									
1	Ngày 1	1/2	NCS Trạm Bình Phong 1 từ 1x100kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P			x		NR 4775-7	- NCS Trạm từ 1x100kVA lên 250kVA - Cải tạo lưới 1P lên 3P: 2000m	15 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
	Ngày 2	2/2					x	Bình Phong 1		15 người	xe cầu	
2	Ngày 1	1/3	NCS trạm Áp 5 Tam Hiệp 1 từ 1x75kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Áp 5 Tam Hiệp 1	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm 1x75kVA lên 1x250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 1.070m - Trồng 26 vị trí trụ BTLT 8,5m - Thu hồi 28 trụ BTLT 7,5m - TGLL 26 hộp đk, 48 NR Khách hàng 	25 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3				x	NR 47296-7	25 người		xe cầu		
	Ngày 3	3/3				x	Áp 5 Tam Hiệp 1	25 người		xe cầu		
3	Ngày 1	1/2	NCS và gom trạm Ao Cá Hai Sửa 1x50kVA và Ao Cá 1 1x75kVA thành 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Ao Cá Hai Sửa	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi trạm 1x50kVA+1x75kVA - Lắp mới 1x250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 1.850m - Trồng 04 vị trí trụ BTLT 8,5m, 01 vị trí trụ 10,5m - TGLL 05 hộp đk, 10 NR Khách hàng 	20 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2					x	Ao Cá 1		20 người	xe cầu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
4	Ngày 1	1/3	NCS trạm Phan Văn Vinh từ 1x75kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x		<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm 1x75kVA lên 1x250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 2.470m - Trồng 56 vị trí trụ BTLT 8,5m, 01 vị trí trụ 10,5m - Thu hồi 54 trụ BTLT 7,5m - TGLL 61 hộp đk, 116 NR Khách hàng 	40 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x			40 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3						x			40 người	xe cẩu
5	Ngày 1	1/3	NCS trạm Cầu Chùa 3 từ 1x75kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Cầu Chùa 3	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm 1x75kVA lên 1x250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 658m - Trồng 30 vị trí trụ BTLT 8,5m, 04 vị trí trụ 10,5m - Thu hồi 45 trụ BTLT 7,5m - TGLL 17 hộp đk, 22 NR Khách hàng 	30 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x	Cầu Chùa 3		30 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3				x		NR 47807-7		30 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
6	Ngày 1	1/3	NCS và gom trạm Cầu Chùa 3B 1x75kVA và Cầu Chùa 8 1x50kVA thành 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Cầu Chùa 3B	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi trạm 1x75+1x50kVA - Lắp mới 1 trạm 250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 1.049m - Trồng 15 vị trí trụ BTLT 8,5m, 02 vị trí trụ 10,5m - Thu hồi 14 trụ BTLT 7,5m - TGLL 24 hộp đk, 58 NR Khách hàng 	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x	Cầu Chùa 3B		20 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3					x	NR 47807-7		20 người	xe cẩu	
7	Ngày 1	1/2	NCS và gom trạm Bình Tạo 9 từ 1x50kVA và Bình Tạo 4 1x37.5kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Bình Tạo 9	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi trạm 1x50kVA lên 1x37,5kVA. - Lắp mới 1 trạm 25kVA - NC HT 1P lên 3P dài 530m - Trồng 02 vị trí trụ BTLT 8,5m, 06 vị trí trụ 10,5m - TGLL 12 hộp đk, 22 NR Khách hàng 	15 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2					x	Bình Tạo 4				

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
8	Ngày 1	1/3	NCS trạm Ấp 4 Trung An 2 từ 2x37,5kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P				x	Ấp 4 Trung An 2	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm 2x37,5kVA lên 1x250kVA - NC HT 1P lên 3P dài 1.329m - Trồng 24 vị trí trụ BTLT 8,5m. - Thu hồi 29 trụ BTLT 7,5m - TGLL 31 hộp đk, 57 NR Khách hàng 	25 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3					x	Ấp 4 Trung An 2		25 người	xe cầu	
	Ngày 3	3/3					x	Ấp 4 Trung An 2		25 người	xe cầu	
9	Ngày 1	1/1	NCS trạm Quốc Lộ 50-6 từ 1x160kVA lên 1x250kVA			x		Quốc Lộ 50-6	- NCS trạm từ 1x160kVA lên 1x250kVA	8 người	xe cầu	
10	Ngày 1	1/1	NCS trạm Lê Văn Phảm 2 từ 1x160kVA lên 1x250kVA			x		Lê Văn Phảm 2	- NCS trạm từ 1x160kVA lên 1x250kVA	8 người	xe cầu	
11	Ngày 1	1/1	NCS trạm Thủy Lợi 6 từ 1x100kVA lên 1x250kVA, CT lưới HA.			x		Thủy Lợi 6	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm từ 1x100kVA lên 1x250kVA - Cải tạo HT 3P hiện hữu dài 192m 	12 người	xe cầu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
12	Ngày 1	1/2	Lắp trạm Lộ Me 1 1x250kVA và trạm Lộ Me 2 2 1x250kVA giảm tải trạm Mỹ Lợi 6, Cải tạo ĐDHT				x	Mỹ Lợi 6	- Lắp 02 trạm 250kVA. - Cải tạo lưới HT 1P lên 3P dài 1.255m - Trồng 04 vị trí trụ BTLT 8,5m. - TGLL 35 hộp đk, 66 NR Khách hàng	20 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2				x		Lộ Me		20 người	xe cầu	
13	Ngày 1	1/2	Lắp mới TBA Nguyễn Văn Giác 1, 1x250kVA; Nguyễn Văn Giác 2, 1x250kVA chia tải trạm Nguyễn Trung Trực (630kVA)+ Cải tạo đường dây HA				x	Nguyễn Trung Trực	- Lắp mới 02 trạm 250kVA - Cải tạo lưới 3P hiện hữu dài 760m	15 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2				x				15 người	xe cầu	
14	Ngày 1	1/2	Lắp mới TBA Phan Thanh Giản, 1x250kVA chia tải trạm Học Lạc (400kVA)				x	Học Lạc	- Lắp TBA 250kVA. - Cải tạo lưới HT 3P dài 577m - Trồng 10 vị trí trụ 8,5m - TGLL 13 hộp đk, 25 NR Khách hàng	20 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2				x				20 người	xe cầu	
15	Ngày 1	1/2	Lắp trạm Tinh Lộ 864, 1x250kVA và trạm Tinh Lộ 864-1, 1x250kVA giảm tải trạm Thủy Lợi 4 + Cải tạo đường dây HA				x	Thủy Lợi 4	- Lắp 02 trạm 250kVA - XDM HT 3P dài 1.456m, - Cải tạo HT hiện hữu dài 874m	25 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/2					x	Thủy Lợi 4		25 người	xe cầu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
16	Ngày 1	1/1	NCS TBA Dệt Lộ Ma (1x75kVA) thành 1x250kVA; Dệt Lộ Ma Dân 2(2x50kVA) thành 1x250kVA+ NC ĐDHA 1P thành 3P			x		NR 47201-7	- NCS trạm 1x75kVA thành 1x250kVA - NCS trạm 2x50kVA thành 1x250kVA	16 người	xe cẩu	
17	Ngày 1	1/2	Lắp mới TBA Hồ Văn Nhánh 2, 1x250kVA giảm tải trạm Trung Lương 2				x	Trung lương 2	- Lắp TBA 250kVA - XDM HT 3P dài 1.457m	20 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/2					x	Trung lương 2		20 người	xe cẩu	
18	Ngày 1	1/3	NCS và gom trạm Long An 1, Long An 3, Long An 4 thành 1x250kVA+ NC ĐDHA 1P thành 3P				x	Long An 1	- Cải tạo, NC HT 1p lên 3P dài 1.241m - Trồng 24 vị trí trụ BTTL 8,5m, 06 vị trí trụ 10,5m - Thu hồi 28 trụ BTLT 7,5m, 04 trụ 8,5m, 01 trụ 12m - TGLL 33 hộp đk, 62 NR Khách hàng	30 người	xe cẩu	
	Ngày 2	2/3					x	Long An 3		30 người	xe cẩu	
	Ngày 3	3/3			x			D7-De3		30 người	xe cẩu	

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Cắt điện					Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
				Phát tuyến	Phân đoạn	Nhánh rẽ	CB trạm	Tên TB				
19	Ngày 1	1/3	NCS trạm Áp 5 Trung An 2 từ 1x100kVA thành 1x250kVA+NC ĐDHA 1P thành 3P				x	Áp 5 Trung An 2	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm từ 1x100kVA lên 1x250kVA - Cài tạo, NC HT 1p lên 3P dài 1.130m - Trồng 21 vị trí trụ BTTL 8,5m - Thu hồi 19 trụ BTLT 7,5m, 03 trụ 10,5m. - TGLL 25 hộp đk, 47 NR Khách hàng 	20 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3					x	Áp 5 Trung An 2		20 người	xe cầu	
	Ngày 3	3/3					x	NR 47805-7		20 người	xe cầu	
20	Ngày 1	1/3	NCS trạm MG Bình Minh từ 3x25kVA thành 3x75kVA; Cài tạo lưới hạ áp				x	MG Bình Minh	<ul style="list-style-type: none"> - NCS trạm từ 3x25kVA lên 3x75kVA (MBA sử dụng lại) - Cài tạo HT 3P dài 350m - Trồng 11 vị trí trụ BTTL 8,5m - Thu hồi 10 trụ BTLT 8,5m. - TGLL 13 hộp đk, 24 NR Khách hàng 	15 người	xe cầu	
	Ngày 2	2/3					x	MG Bình Minh		15 người	xe cầu	
	Ngày 3	3/3			x			D34		15 người	xe cầu	

1.2 Số lần công tác điện nóng không cắt điện – Thi công Hotline:

STT	Ngày thi công	Số lần đăng ký/ số lần dự kiến cắt điện	Hạng mục	Thi công Hotline	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Nhân lực	Phương tiện	Ghi chú
1	Ngày 1	1/1	NCS và gom trạm Ao Cá Hai Sửa 1x50kVA và Ao Cá 1 1x75kVA thành 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P	x	Tháp đà đầu trụ, lắp FCO, kết lưới, tháo trạm cũ	20 người	xe cầu	
2	Ngày 1	1/1	NCS trạm Phan Văn Vinh từ 1x75kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P	x	Lắp đà , FCO, kết lưới, tháo trạm cũ	20 người	xe cầu	
3	Ngày 1	1/1	NCS và gom trạm Bình Tạo 9 từ 1x50kVA và Bình Tạo 4 1x37.5kVA lên 1x250kVA, NC ĐDHT từ 1P lên 3P	x	Lắp đà , FCO, kết lưới, tháo trạm cũ	20 người	xe cầu	

❖ Công trình Xây dựng lộ ra trạm 110kV Tân Mỹ Chánh:

STT	Hạng mục	Công tác thực hiện	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện	Thời gian cắt điện	Nhân lực	Ghi chú
	1. XD Lộ ra 471TMC						
1	Xây dựng mới đường dây 22kV 01 mạch từ trụ 01A đến trụ 148/12 HL87 dài 700m.	Cắt NR 4745-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	- XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 589m - Trồng 19 vị trí trụ BTLT 22m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Thu hồi 03 trụ 7,5m, 07 trụ 14m - TGLL 01 trạm 3x50kVA	4	9 giờ/ lần	30 người	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
2	Cải tạo đường dây 22kV NR KDC Bình Phong dài 281m từ trụ 148/12 đến 23 thành 3ACXH240+1AC240	Cắt NR 47315-7, tuyến 474CG; Cắt D342-8B tuyến 473CG	- Cải tạo ĐDTT 3P 3ACX70+AC50 thành 3ACXH240+AC240+AC70 dài 278m - Trồng 08 vị trí trụ BTLT 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Thu hồi 04 trụ 7,5m, 01 trụ 10,5m, 01 trụ 14m - TGLL 01 trạm 1x250kVA, 04 NR Khách hàng	3	9 giờ/ lần	30 người	2 lần cắt NR; 01 lần cắt trực

STT	Hạng mục	Công tác thực hiện	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện	Thời gian cắt điện	Nhân lực	Ghi chú
3	XDM đường dây 22kV từ trụ 148/12/5(cuối NR KDC Bình Phong) đến đầu đường số 5(SD) trụ 29 dài 200m. Lắp mới LBS+DS3P đầu NR Cụm CN TMC	Cắt NR 47315-7, tuyến 474CG; Cắt D342-8B tuyến 473CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 260m - Trồng 07 vị trí trụ BTLT 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 LBS+DS - Thu hồi 04 trụ 8,5m, 02 trụ 10,5m, 01 trụ 14m - TGLL 13 hộp đk, 22 NR khách hàng 	3	9 giờ/ lần	30	2 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
4	Cải tạo đường dây 22kV từ đầu ĐS5 đến đầu NR SD dài 130m; Xây dựng mới đường dây 22kV từ đầu NR SD trụ 29 đến cuối NR 47343-7(Tipharco) dài 500m.	Cắt NR 47343-7, Cắt D353-8 tuyến 473CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 561m - Trồng 10 vị trí trụ BTLT 16m, 02 vị trí trụ 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) 	3	9 giờ/ lần	25	1 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
	2. XD Lộ ra 473TMC						
1	Xây dựng mới đường dây 22kV từ ĐS 5-NR SD trụ 29 đến đường N2 giáp NR Gò Ông Giản trụ 118/5 dài 884m. Cải tạo NR Gò Ông Giản 250m (trụ 16m). Lắp 01 Recloser+DS3P đầu NR Gò Ông Giản.	Cắt NR 47355-7, Cắt NR mới XD, tuyến 475MT	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC150+AC70 dài 871m - Cải tạo dây 3ACX95+AC50>3ACXH240+AC150+AC70 dài 230m - Trồng 26 vị trí trụ BTLT 16m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 bộ Recloser+DS - Thu hồi 03 trụ 7,5m, 01 trụ 10,5m, 01 trụ 12m. - TGLL 01 trạm 40kVA, 1 trạm 3x25kVA, 01 trạm 400kVA - TGLL 14 hộp đk, 38 NRKH 	3	9 giờ/ lần	30	
	3. XD Lộ ra 475TMC						

STT	Hạng mục	Công tác thực hiện	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện	Thời gian cắt điện	Nhân lực	Ghi chú
1	Cải tạo đường dây 22kV NR 4745-7 từ trụ 148/12 đến 148/27 dài 850m. XDM từ trụ 148/27 đến đầu nối NR 47203-7 (Cầu Gò Cát) dài 1.100m. Lắp 01 Recloser+01 DS3P tại điểm đầu nối.	Cắt NR 4745-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P (mạch 2) 3ACXH240+AC150+AC70 dài 1.032m - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC150+AC70 dài 1.150m - Trồng 43 vị trí trụ BTLT 16m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 bộ Recloser+DS - Thu hồi 03 trụ 7,5m, 01 trụ 10,5m, 01 trụ 12m. - TGLL 01 trạm 40kVA, 1 trạm 3x25kVA, 01 trạm - TGLL 76 hộp đk, 159 NRKH 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
	4. XD Lộ ra 477TMC						
1	Xây dựng mới đường dây 22kV từ trụ 01B đến trụ 148/12A NR 4765-7, dài 660m	Cắt NR 4745-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 622m - Trồng 11 vị trí trụ BTLT 18m, 06 vị trí trụ 22m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
2	Cải tạo mạch 1 từ trụ 148/1 đến trụ 148/12 NR 4745-7(HL87) dài 757m. Lắp 02 LBS+02 DS3P trụ 148/1	Cắt NR 4745-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo ACX70+AC50>3ACXH240+AC240+AC70 dài 755m - Trồng 23 vị trí trụ BTLT 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 02 LBS+DS - TGLL 19 hộp đk, 41 NRKH 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
3	XDM 02 mạch cáp ngầm vượt lộ từ trụ 148-148/1 dài 70m. Lắp mới 02 DS3P đầu cáp ngầm trụ 148.	Cắt NR 4745-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM cáp ngầm TT 3x50 dài 50m - Lắp 02 bộ DS 	1	9 giờ/ lần	15	
	5. XD Lộ ra 479TMC						

STT	Hạng mục	Công tác thực hiện	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện	Thời gian cắt điện	Nhân lực	Ghi chú
1	XDM đường dây 22kV 01 mạch từ trạm đến trụ 166/15A(HL86B) dài 150m; Cải tạo đường dây 12,7kV từ trụ 15A đến 15A/10 NR 47110-7 dài 600m; XDM đường dây 22kV đầu nối trụ 15A/10 đến ngã tư Lộ Xoài dài 350m.	Cắt NR 47189-7, tuyến 474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 1.152m - Trồng 35 vị trí trụ BTLT 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Thu hồi 12 trụ 7,5m, 07 trụ 10,5m, 08 trụ 12m - TGLL 03 trạm 50kVA, 46 hộp đk, 76 NRKH 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
2	Cải tạo đường dây 12,7kV từ trụ 110/54 đến trụ 54/15 nhánh rẽ 47321-7 Nghĩa Trang TP tuyến 473MT2. Lắp mới 01 LBS+DS3P đầu NR trụ 110/54/1	Cắt NR 47321-7, Cắt D356-8 tuyến 475MT	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo 3ACXH50+AC50>3ACXH240+AC150+AC70 dài 1.112m - Trồng 07 vị trí trụ BTLT 14m, 24 vị trí trụ 16m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 bộ LBS+DS - Thu hồi 03 trụ BTLT 7,5m, 17 trụ 10,5m, 03 trụ 12m - TGLL 01 trạm 100kVA, 02 trạm 2x50kVA, 49 hộp đk, 106 NRKH 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
	6. XD Lộ ra 481TMC						
1	XDM đường dây 22kV 01 mạch từ trạm đến trụ 18 ngã tư Lộ Xoài dài 1.100m. Trụ 18m dự kiến		<ul style="list-style-type: none"> - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC240+AC70 dài 315m - Trồng 09 vị trí trụ BTLT 18m dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) 	Xây dựng mới (tuyến đường chưa có lưới điện)			
	7. XD Lộ ra 474TMC						

STT	Hạng mục	Công tác thực hiện	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện chính	Số lần cắt điện	Thời gian cắt điện	Nhân lực	Ghi chú
1	Cải tạo đường dây 12,7kV từ trụ 4A đến 166 NR 47189-7 HL86B(nhà trọ 333) dài 750m; XDM đường dây 22kV đầu nối trụ 166/1 đi hướng song song mạch 471MT-476MT2 đoạn từ HL86B đến Lộ Vàm dài 700m; Cải tạo NR 22kV 47179-7 từ trụ 179 đến 179/7 dài 550m. Lắp 01 LBS+DS3P đầu nối trụ 166/1	Cắt NR 47189-7, 47179-7 Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM (mạch 2) 3ACXH240+AC150+AC70 dài 946m - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC150+AC70 dài 641m - Cải tạo 3ACX70+AC50>3ACXH240+AC150+AC70 dài 450m - Trồng 56 vị trí trụ BTLT 18m dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 bộ LBS+DS - Thu hồi 12 trụ BTLT 7,5m, 16 trụ 10,5m, 09 trụ 12m - TGLL 01 trạm 50kVA, 02 trạm 2x50kVA, 01 trạm 3x37,5kVA. 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực
9. XD Lộ ra 478TMC							
1	Xây dựng mới đường dây 22kV từ đầu đường rẽ vào Khu phần mềm Quang Trung đến điểm cuối NR 4760-7 dài 1000m(trụ 16m); Cải tạo NR 4760-7 dài 400m; Lắp 01 LBS+DS3P đầu NR 4760-7	Cắt NR 4760-7; Cắt D9-8, D52-8, tuyến 473+474CG	<ul style="list-style-type: none"> - XDM (mạch 2) 3ACXH240+AC240+AC70 dài 360m - XDM ĐDTT 3P 3ACXH240+AC150+AC70 dài 666m - Trồng 18 vị trí trụ BTLT 16m, 11 vị trí trụ 18m (dây CS lắp trên đà 3500 tháp đầu trụ) - Lắp 01 bộ LBS+DS - Thu hồi 12 trụ BTLT 12m - TGLL 01 trạm 3x25kVA, 01 trạm 3x37,5kVA, 01 trạm 3x37,5kVA. 	4	9 giờ/ lần	30	3 lần cắt NR; 01 lần cắt trực

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Yêu cầu kỹ thuật về vật tư, thiết bị:

a) Thông số kỹ thuật: Trụ điện BTLT, đà cản – đế neo, cách điện, xà đỡ thép hình, sắt U, thanh neo, thanh chống, phụ kiện các loại theo “Quy định Đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung, hạ thế áp dụng trong Tổng công Điện lực miền Nam” ban hành theo **Quyết định số 192/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 7 năm 2025** đính kèm theo hồ sơ E-HSMT.

b) Kiểm tra, thử nghiệm xuất xưởng; thử nghiệm nghiệm thu (thử nghiệm mẫu); số lượng mẫu thử nghiệm cho từng chủng loại vật tư, thiết bị theo yêu cầu đặc tính kỹ thuật của từng loại vật tư, thiết bị “Quy định Đặc tính kỹ thuật các vật tư thiết bị lưới điện trung, hạ thế áp dụng trong Tổng công Điện lực miền Nam” ban hành theo **Quyết định số 192/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 7 năm 2025** đính kèm theo hồ sơ E-HSMT.

2. Quy định, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 88/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

3. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Đề trình cho chủ đầu tư phương án thi công gồm: Biện pháp tổ chức thi công; tiến độ thi công chi tiết thực hiện bằng phần mềm MS Project và các biện pháp thi công đặc biệt cho các đoạn vượt hoặc thi công bên cạnh các công trình hiện hữu, dịch chuyển các công trình xây dựng đã có ra khỏi hành lang an toàn của tuyến; Biện pháp đảm bảo ATLĐ, vệ sinh môi trường trên công trình và khu vực lân cận trong quá trình thi công và vận chuyển vật tư thiết bị vật liệu cấu kiện đến công trường;
- Chỉ huy trưởng, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công và giám sát B phải thường xuyên có mặt trên công trường trực tiếp của ĐVTC;
- Phương tiện, máy móc, trang thiết bị phục vụ thi công và thí nghiệm tại hiện trường dùng cho gói thầu phải thật sự đảm bảo vận hành tốt và an toàn;

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong việc kiểm tra thực hiện các biện pháp tổ chức thi công xây dựng hằng ngày trên công trường; về các lĩnh vực: chất lượng TC, ATLD, bảo vệ môi trường tại khu vực thi công;

4. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):

- Tất cả các vật tư, vật liệu, cấu kiện xây dựng, phụ kiện do nhà thầu thực hiện đều mới, chưa từng qua sử dụng và phải cung cấp các tài liệu như: Nguồn gốc (xuất xứ), chứng chỉ xuất xưởng, biên bản thí nghiệm, kèm theo các thông số kỹ thuật và quy cách của vật tư thiết bị để đơn vị Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Giám sát A) của chủ đầu tư kiểm tra và nghiệm thu trước khi xây dựng, lắp đặt;
- Tất cả các vật tư, thiết bị do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu để thi công xây dựng, phải được đơn vị Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Giám sát A) của chủ đầu tư kiểm tra và nghiệm thu trước khi xây dựng, lắp đặt.

5. Các yêu cầu về trình tự thi công và lắp đặt:

a) Vận chuyển vật tư thiết bị và vận chuyển nhân lực thi công:

- Nhà thầu có trách nhiệm xin phép thi công xây dựng trên đường giao thông phục vụ thi công toàn bộ khối lượng gói thầu. Việc vận chuyển trên đường giao thông phục vụ cho thi công mà gây hư hỏng đường thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa lại theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành;

Vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị:

+ *Trụ điện: Dùng xe chuyên dùng phù hợp với các chủng loại trụ, chằng buộc chắc chắn; nâng hạ trụ từ phương tiện vận chuyển phải cùng cầu hoặc thiết bị tương đương; không được bẫy trụ rơi xuống từ phương tiện vận chuyển.*

+ *Dây dẫn: Các ru lô phải ở vị trí thẳng đường (tư thế lãn).*

+ *Cách điện: Phải giữ nguyên kiện, không được vận chuyển chung với các vật tư rắn khác để tránh va đập gây hư hỏng.*

+ *Các vật tư thiết bị khác: Vận chuyển và bốc dỡ cẩn thận tránh gây hư hỏng và thất lạc.*

b) Kho bãi: Nhà thầu chịu trách nhiệm lập kho bãi để bảo quản toàn bộ vật tư, thiết bị, phụ kiện phục vụ thi công xây dựng công trình.

c) Kiểm tra, đóng cọc mốc:

- Sau khi nhận mốc từ Đơn vị Tư vấn thiết kế, nhà thầu tiến hành kiểm tra các cọc mốc đã nhận đối chiếu với hồ sơ thiết kế. Nếu trong quá trình thực hiện, mà nhà thầu có phát hiện các sai khác so với bản vẽ thiết kế thì phải thông báo ngay cho chủ đầu tư biết phối hợp xử lý.

d) Phát quang hành lang tuyến:

- Sau khi phóng tuyến, định vị cọc mốc, nhà thầu phối hợp với chủ đầu tư để tổ chức phát quang hành lang tuyến đảm bảo khoảng cách an toàn đóng điện vận hành theo quy định. Trong quá trình thực hiện công tác này, hạn chế tối đa việc thiệt hại và không được làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

e) Vị trí trụ lắp đặt:

- Tại vị trí dựng trụ; nếu có dòng nước chảy, cần tạo dốc hoặc có biện pháp chuyên hướng dòng chảy để ngăn ngừa sạt lở.

f) Đào hố móng, lắp dựng trụ:

- Đất đào sau khi đắp đất chân trụ còn thừa phải được đổ có chỗ (*có thể hỏi ý kiến của chủ đất nơi dựng trụ*), không được đổ bừa bãi làm ứ đọng nước hoặc ảnh hưởng đến việc sản xuất, đi lại của người dân;

- Khi đào hố móng phải có biện pháp tránh sạt lở, lún và ảnh hưởng đến các công trình lân cận. khi đào hố móng mà gặp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác phải ngừng

lại và báo ngay cho chủ đầu tư để mời cơ quan quản lý phân ngầm đó cùng xem xét thống nhất giải pháp thực hiện mới được tiến hành tiếp tục;

- Trước khi dựng cột, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để kiểm tra chủng loại. Kỹ thuật lắp dựng và độ chôn sâu phải theo tuân thủ theo bản vẽ thiết kế công trình. Sau khi lắp dựng xong phải tiến hành kiểm tra độ nghiêng, đắp đất chân trụ theo bản vẽ trước khi thực hiện các bước công việc tiếp theo trên trụ;

- Việc đắp đất móng phải được tiến hành theo từng lớp 30-40cm rồi đầm kỹ, đầm chặt theo bản vẽ thiết kế. Khi đắp hố móng trên nền đất ướt hoặc ngập nước, phải tiến hành tiêu thoát nước và vét bùn (nếu có); chỉ được phép đắp đất bằng loại đất đồng nhất;

- Sau khi đắp đất và đầm nén phải được thí nghiệm điển hình tại hiện trường và **kết quả phải đạt theo yêu cầu hệ số đầm nén $K \geq 0,85$;**

- **Số lượng mẫu thí nghiệm cho gói thầu: Tối thiểu 01 tổ mẫu, nếu khối lượng đắp đất móng $\geq 100 \text{ m}^3$, thì cứ mỗi 100 m^3 lấy 01 tổ mẫu (tiêu chuẩn TCVN 4447:2012).**

g) Móng trụ bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ:

- Chủng loại, qui cách và chi tiết buộc liên kết cốt thép (thép chưa thi công không được để ngoài mưa nắng, không để trực tiếp dưới đất);

- Cấp phối vữa bê tông: Cát, đá phải đúng chủng loại và sạch;

- Nước sạch, không bị phèn, mặn;

- Xi măng phải có nhãn mác, không bị vón cục và còn thời hạn sử dụng;

- Đầm, dùi vữa bê tông trong quá trình đổ theo qui định và đổ phải liên tục.

- Móng bê tông sau khi đổ phải được thử nghiệm điển hình và phải đạt theo yêu cầu thiết kế (mác 200).

- **Số lượng mẫu bê tông: Mỗi ngày đổ bê tông lấy 01 tổ mẫu, nếu khối lượng đổ bê tông trong ngày $> 20 \text{ m}^3$ thì mỗi 20 m^3 lấy 01 tổ mẫu.**

h) Biển báo, biển số:

- Biển báo an toàn, biển số phải được thực hiện có kiểu dáng, quy cách, độ cao theo đúng quy định theo bản vẽ thiết kế.

i) Nối đất:

- Tiếp đất lặp lại trên dây trung hòa toàn tuyến với khoảng cách theo hồ sơ thiết kế; nối đất thiết bị trạm giữa chống sét, dây trung hòa, vỏ thiết bị,..... Kỹ thuật nối dây tiếp đất, cọc tiếp đất đóng trực tiếp xuống đất có vị trí và độ sâu theo bản vẽ thiết kế;

- Đo điện trở nối đất: Sau khi thực hiện tiếp đất tại các vị trí quy định, nhà thầu tiến hành đo điện trở đất và ghi chép thông số kỹ thuật vào sổ theo quy định của chủ đầu tư.

j) Lắp cách điện & rã căng dây:

- Cách điện và phụ kiện trước khi lắp đặt phải lau chùi sạch sẽ kiểm tra bằng mắt thường để phát hiện trường hợp cách điện bị nứt để loại ra. Việc bóc dỡ đưa cách điện vào vị trí lắp đặt phải được thực hiện cẩn thận và sử dụng các phương tiện thi công phù hợp để tránh hư hỏng. Kiểm tra lại chốt bị các chuỗi sứ để tránh tình trạng rơi sứ;

- Công tác rã và căng dây có thể thực hiện bằng phương pháp thủ công hoặc thủ công kết hợp cơ giới. Đơn vị thi công phải có dụng cụ nâng bành dây để ra dây, dọn bãi dây tại các điểm néo để đặt dụng cụ néo dây;

- Tại các địa hình phức tạp, việc rã dây phải thực hiện bằng phương pháp thủ công. Các đoạn tuyến giao chéo, vượt đường giao thông, đường dây điện lực, thông tin; nhà thầu phải lập phương án thi công cụ thể cho từng vị trí để trình cho chủ đầu tư để được thống nhất trước khi thực hiện;

- Khi kéo dây không được kéo lê trên mặt đất, trên kết cấu cứng có thể gây mòn hoặc trầy xước dây. Phải dùng pully để treo dây và kéo dây qua các vị trí trụ. Sau khi dây được đưa lên xà, phải để dây dẫn đều mới tiến hành căng dây lấy độ võng và lắp khóa cố định;
- Thực hiện đấu nối để đóng điện: Nhà thầu căn cứ vào kế hoạch thi công đã thống nhất với Chủ đầu tư để đăng ký cắt điện đấu nối đường dây với đơn vị quản lý vận hành lưới điện khu vực trước 10 ngày theo quy định.

k) Lắp trạm biến áp & thùng điện kế trạm:

- Trước khi cầu, kéo MBA để lắp đặt, phải kiểm tra tình trạng bên ngoài thiết bị: Máy biến thế không bị rỉ dầu; phần sứ cách điện không bị nứt bể, hư hỏng và được vệ sinh sạch sẽ trước khi lắp trên trụ; dùng dây thừng giữ máy trong quá trình cầu, kéo vào vị trí tránh va đập vào thân trụ làm hỏng máy;
- Máy biến áp và các thiết bị phải đúng vị trí, đảm bảo khoảng cách theo bản vẽ thiết kế và dễ thao tác;
- Các dây nối giữa các thiết bị phải chắc chắn và đúng kỹ thuật; đầu dây cáp đồng bọc trung thế phải được bóc vỏ PVC tối thiểu là 10 cm.
- Lắp đặt thùng điện kế phải đúng theo thiết kế và phải phù hợp với địa hình tại vị trí lắp đặt để thuận tiện cho quản lý vận hành sau này và khoảng cách lắp thùng đối với mặt đất đúng theo Quy định kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Các thiết bị lắp đặt phải đúng với phiếu xuất kho, phiếu thí nghiệm; vệ sinh sạch sẽ trước khi lắp đặt và đấu nối hệ thống;
- Đấu nối các thiết bị, điện kế phải đúng yêu cầu kỹ thuật của trạm; các đầu dây, mối nối phải đảm bảo bọc cách điện kín và không hở mạch.

6. Yêu cầu về vận hành, thử nghiệm, an toàn:

- Khi nghiệm thu kỹ thuật để chuẩn bị nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng phải được thử nghiệm tại hiện trường về điện trở cách điện giữa các dây dẫn (*pha – pha*); dây dẫn – xà (*hoặc trụ*); đo điện trở tiếp đất tại các vị trí tiếp đất lập lại, tiếp đất trạm.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Hằng ngày, đơn vị thi công có trách nhiệm thu dọn, làm sạch và hoàn trả lại mặt bằng mà trong quá trình thi công bị hư hại hoặc chiếm dụng;
- Tất cả các thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, đất thừa, rác thải... trong quá trình thi công phải được thu dọn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh mỹ quan chung của khu vực;
- Toàn bộ các tồn tại theo nội dung này phải được hoàn tất trước ngày nghiệm thu bàn giao là 03 ngày.

8. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp an toàn cho công nhân của mình trong quá trình thi công; tuân thủ các quy định, hướng dẫn của đơn vị quản lý vận hành lưới điện khu vực khi công tác trên lưới điện và gần nơi có điện;
- Nhà thầu phải tuân thủ thực hiện đúng các quy định về an toàn điện và các quy định về an toàn khác do Nhà nước ban hành;
- Trong quá trình thi công phải tuân thủ các quy định về kỹ thuật an toàn trong công tác xây dựng, cụ thể phải đảm bảo quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa, xây dựng đường dây và trạm điện được ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ số 959/QĐ-EVN ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định an toàn khác của Nhà nước ban hành.
- Phải kiểm tra sức khỏe cho công nhân đang làm việc trên ở độ cao, trang bị đầy đủ dụng cụ phòng hộ lao động.

- Khi thi công trên cao phải đảm bảo các biện pháp an toàn trên cao như mang mũ bảo hộ, đeo dây an toàn... dụng cụ mang theo phải gọn gàng dễ thao tác. Không được làm việc trên cao khi trời sắp tối, khi trời có sương mù hoặc khi có gió từ cấp 5 trở lên.
- Khi tuyến đường dây trên không đi gần khu vực dân cư phải chú ý biện pháp an toàn thi công cho người và tài sản phía dưới.
- Khi kéo dây phải bảo đảm đúng quy trình công nghệ thi công, các vị trí néo hãm phải thật chắc chắn để tránh xảy ra tụt néo gây tai nạn. Các vị trí kéo dây vượt chướng ngại vật phải làm biển cấm, biển báo và ba-ri-e.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị thi công trước khi vận hành. Kiểm tra kỹ các dây chằng, móc cáp trước khi cẩu lắp vật nặng.
- Tất cả công nhân phải được huấn luyện học tập an toàn lao động và có tay nghề đúng chuyên môn.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

a) Yêu cầu về nhân lực:

- Nhà thầu phải tuân thủ việc bố trí cán bộ chủ chốt và nhân lực có trình độ và số lượng và đúng người như đã đăng ký khi tham gia dự thầu;
- Chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách thi công phải đúng theo yêu cầu về năng lực kỹ thuật đã đề trình trong HSDT của nhà thầu;
- Đội ngũ công nhân kỹ thuật: Lành nghề, liệt kê theo danh sách cụ thể về Đội, Tổ, nhóm thi công.

b) Yêu cầu về thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu có kế hoạch huy động thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ thi công chuyên ngành chủ yếu đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, an toàn trong thi công xây lắp và đáp ứng kịp thời theo tiến độ thực hiện các công đoạn xây dựng. Nếu các thiết bị, phương tiện, dụng cụ nào mà nhà thầu phải thuê thì đề trình hợp đồng thuê.
- Việc huy động các máy móc, thiết bị thi công này phải đúng thời hạn và phù hợp với tiến độ chung của gói thầu; các thiết bị thi công còn sử dụng tốt, đảm bảo an toàn.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

- Nhà thầu tính toán phương án, nhân lực thi công tổng thể đồng loạt cho toàn bộ gói thầu khi có lệnh khởi công công trình.
- Các hạng mục xây dựng mới hạ thế độc lập không liên quan đến việc cắt điện, khi đấu nối lưới hiện hữu để kéo dây đề nghị tính toán đúng vào thời gian cắt điện phát tuyến dự kiến đấu nối để tránh cắt điện nhiều lần.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:
- Lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ phù hợp với công trình xây dựng. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân tham gia thi công xây dựng công trình;
- Tổ chức thực hiện các thí nghiệm, kiểm tra vật liệu, thiết bị, công nghệ, cấu kiện và các sản phẩm xây dựng phải đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước đáp ứng thời gian theo yêu cầu trước khi xây dựng và lắp đặt cho công trình, cụ thể như sau:

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xi măng; cốt	Thí nghiệm xác định chỉ		Nhà thầu cùng

Stt	Tên nhóm vật liệu, vật tư	Thủ tục kiểm tra chất lượng sản phẩm, thí nghiệm đối chứng	Thực hiện	Thời gian thực hiện
	liệu bê tông; thép cốt bê tông; nước sử dụng cho công trình; thép hình	tiêu, cơ lý của vật liệu, phân tích hành phần của nước trước khi đưa vào sử dụng		TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
2	Bê tông thương phẩm	Kiểm tra vật liệu, thiết bị, quy trình sản xuất, thí nghiệm vật liệu theo tiêu chuẩn hiện hành, chứng nhận CO/CQ vật liệu của nhà sản xuất, thí nghiệm cấp phối bê tông	Yêu cầu trình chấp thuận phương án sản xuất/cung cấp cốt liệu, bê tông thương phẩm, biện pháp kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất của đơn vị cung cấp	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
3	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông theo loại cốt liệu và cấp độ bền được quy định trong hồ sơ thiết kế	Đúc mẫu thử và đem thí nghiệm cường độ nén mẫu theo thiết kế thành phần cấp phối bê tông đăng ký	Nhà thầu thuê đơn vị LAS thiết kế, thí nghiệm; TVGS chứng kiến kiểm tra mẻ trộn thử, chứng kiến thí nghiệm và gửi kết quả	Nhà thầu cùng TVGS tổ chức lấy mẫu, tiến hành thí nghiệm kiểm tra, chậm nhất 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công
4	Cột bê tông treo dây dẫn điện	Kiểm tra ngoại quan và thí nghiệm mẫu đại diện lô hàng về chịu lực theo quy định của thiết kế	Nhà thầu có văn bản mời nghiệm thu lô cột	Chậm nhất 25 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công (<i>hoặc theo tiến độ chi tiết nêu trong hợp đồng</i>)
5	Tổ mẫu bê tông cấu kiện	Thí nghiệm nén mẫu	Không yêu cầu trình duyệt	Theo kế hoạch của nhà thầu, thực hiện trước khi nghiệm thu khối lượng công việc
6	Cách điện và phụ kiện	Thí nghiệm theo tiêu chuẩn hiện hành hoặc chứng nhận CO/CQ của nhà sản xuất	Nhà thầu có văn bản mời lấy mẫu	Chậm nhất 20 ngày sau khi ký kết hợp đồng hoặc sau ngày khởi công

- Lập, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tổ chức thi công xây dựng hằng ngày trên công trường;
- Lập, kiểm tra thực hiện tiến độ đăng ký theo hợp đồng đã ký kết;
- Quản lý và ghi chép nhật ký công trường theo quy định;
- Kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình của các nhóm công tác;
- Kiểm tra, thực hiện bảo vệ môi trường tại khu vực thi công;

- Tổ chức nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công các hạng mục, bộ phận, công trình hoàn thành và chuẩn bị đủ các tài liệu hồ sơ liên quan trước khi lập phiếu yêu cầu tổ chức nghiệm thu;
- Báo cáo về tiến độ, khối lượng, chất lượng thi công xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCN theo yêu cầu của Điện lực;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Ngày phát hành
1	MBT	Bản vẽ mặt bằng	24/8/2025
2	BVCT	Bản vẽ chi tiết	24/8/2025

V. Các yêu cầu/chỉ dẫn khác:

1. Bảng kê vật tư, thiết bị do Chủ đầu tư cấp:

❖ Công trình Nâng cấp lưới điện khu vực Điện lực Mỹ Tho năm 2026:

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
A	THIẾT BỊ		
1	Máy biến áp 3P 22/0,4kV-250kVA-Vỏ mạ kẽm	Máy	37
2	Máy biến áp 3P 22/0,4kV-400kVA-Vỏ mạ kẽm	Máy	9
3	LBFCO 15/27kV-200A (kể cả pass)	Bộ	66
4	FCO 22kV-100A-polymer kèm phụ kiện (dòng rò \geq 25mm/kV)	Bộ	150
5	Chống sét van kèm phụ kiện (dòng rò \geq 25mm/kV)	Cái	237
6	Router 3G/4G có chức năng bảo mật, định tuyến, failover, cấu hình từ xa(bao gồm). - Angten cellular. - Angten Wifi. - Adapter nguồn AC-DC + cáp nguồn DC rời cho Router. - Pat gắn cố định Router.	Bộ	3
7	Dao cách ly (DS) 1 pha 24kV 630A, cách điện polymer (dòng rò 25mm)	Bộ	9
8	TU 12,7/0,24kV - 1kVA (cấp nguồn Re, LBS)	Bộ	3
9	Dao cắt tải (LBS) 3 pha 24kV 630A 16kA kèm theo tủ điều khiển có kết nối SCADA và trọn bộ phụ kiện	Bộ	3
10	Tủ hạ thế 02 lộ ra TBA 3 pha 1x250kVA (Vỏ tủ Tole)	Bộ	39
11	Tủ hạ thế 02 lộ ra TBA 3 pha 1x400kVA (Vỏ tủ Tole)	Bộ	9
12	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha Loại treo 3x75kVA (Vỏ tủ tole)	Bộ	1
13	Bộ thu thập dữ liệu tập trung DCU	Bộ	27
B	VẬT LIỆU		
1	Cáp đồng bọc 600V-10mm ²	Mét	196
2	Cáp đồng bọc 600V-95mm ²	Mét	286
3	Cáp đồng bọc 600V-120mm ²	Mét	1.649
4	Cáp đồng bọc 600V-240mm ²	Mét	1.806

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
5	Cáp đồng trần 25mm ²	kg	278,50
6	Cable đồng bọc CXH-25mm ²	Mét	1.542
7	Cable đồng bọc CXH-50mm ²	Mét	414
	Cable đồng bọc CXH-70mm ²	Mét	12
8	Cable đồng bọc CXH-240mm ²	Mét	78
9	Cáp nhôm lõi thép chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE ACXH 24kV-70/11mm ²	Mét	14.643,3
10	Cáp nhôm lõi thép chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE ACXH 24kV-185/24mm ²	Mét	13.746,5
11	Cáp ngầm trung thế 24kV CXV/Sehh/DSTA 3x50mm ²	Mét	1.150
12	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng bọc giáp thép CXV/DSTA (3x150+1x95)mm ²	Mét	1.932
13	Cáp nhôm trần lõi thép AC50/8 (195 kg/km)	Kg	951,8
14	Cáp nhôm trần lõi thép AC70/11 (274 kg/km)	Kg	174
15	Cáp nhôm trần lõi thép AC120/19 (471 kg/km)	Kg	2.113,5
16	Cáp nhôm trần lõi thép AC150/19 (554 kg/km)	Kg	817,7
17	Cáp nhôm trần lõi thép AC240/32 (920 kg/km)	Kg	3.816
18	Cáp hạ thế ABC 4x70mm ²	Mét	2.299
19	Cáp hạ thế ABC 4x120mm ²	Mét	34.173
20	Cáp duplex DuCV 2x10mm ²	Mét	2.172

❖ **Công trình Xây dựng lộ ra trạm 110kV Tân Mỹ Chánh:**

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
A	THIẾT BỊ		
1	TU 12,7/0,24kV - 1kVA (cấp nguồn Re, LBS)	bộ	12
2	DS 24KV 630A 1P O.D	bộ	66
3	Dao cắt tải (LBS) 3 pha 24kV 630A 16kA kèm theo tủ điều khiển có kết nối SCADA và trọn bộ phụ kiện	bộ	8
4	Router 3G/4G cho hệ thống SCADA lắp đồng bộ và LBS/Recloser	bộ	12
5	Recloser 3 pha 24kV 630A 16kA kèm tủ điều khiển có kết nối SCADA và trọn bộ phụ kiện kèm theo	bộ	4
6	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer	bộ	12
7	LBFCO 15/27KV-200A (kể cả Bass) - Polymer	bộ	3
8	Chống sét van LA 18kV - 10kA	bộ	252
B	VẬT LIỆU		
1	Cáp đồng trần M25mm ²	kg	768
2	Cáp ngầm một pha 24kV ruột đồng - cách điện XLPE - Bọc giáp nhôm [CXV/S/DATA]-300	mét	869
3	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-95mm ²	mét	13.376
4	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-240mm ²	mét	63.792

Stt	Vật tư, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
5	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 70/11	kg	8.021
6	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 150/19	kg	8.510
7	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 240/32	kg	4.600
8	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ²	mét	816
9	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 50mm ²	mét	48
10	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 95mm ²	mét	9
11	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 240mm ²	mét	348
12	Cáp đồng bọc 600V-CV10	mét	168
13	Cáp đồng bọc 600V-CV25	mét	272
14	Cáp đồng bọc 600V-CV50	mét	843
15	Cáp đồng bọc 600V-CV70	mét	1.037
16	Cáp đồng bọc 600V-CV95	mét	610
17	Cáp đồng bọc 600V-CV120	mét	595
18	Cáp đồng bọc 600V-CV150	mét	272
19	Cáp đồng bọc 600V-CV240	mét	388

2. Bảng kê khối lượng các bộ chi tiết trong gói thầu :

Bảng kê khối lượng này thống kê chi tiết. Khối lượng của toàn gói thầu nhà thầu xem chi tiết theo bảng tiên lượng mời thầu.

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
I	Công trình Nâng cấp lưới điện khu vực Điện lực Mỹ Tho năm 2026		
1	Công tác phát quang tuyến phục vụ thi công và đóng điện	1,0	Khoán
2	Móng bê tông cột 14m - MBT14 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	1,52	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	2,88	m ²
3	Móng bê tông cột 14m ghép sắt - MBT14-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	2,452	m ³

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	3,24	m ²
4	Móng bê tông cột 18m ghép sắt - MBT18-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	3,123	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	6,72	m ²
5	Bộ tiếp đất lặp lại (cột 14m) - loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 3m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,00	bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 8m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,0	bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80μm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	1,0	cọc
	Đầu cosse Cu 35mm ² - Loại 2 lỗ	1,0	cái
	Bulông M12x30	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR(120-240/25-70)	1,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kéo rãi và lắp dây tiếp địa	3,8	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
6	Cột bê tông ly tâm 14m, lực đầu cột 6,5kN (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 14m- 6,5kN	1,00	Cột

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Lắp cột bê tông ly tâm 14m- 6,5kN	1,00	Cột
7	Cột bê tông ly tâm 14m, lực đầu cột 6,5kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột) - (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 14m- 6,5 kN và có dây tiếp đất luôn trong thân cột	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 14m- 6,5 kN và có dây tiếp đất luôn trong thân cột	1,0	Cột
8	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN	1,0	Cột
9	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN có tiếp địa luôn trong thân cột (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN (có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11kN (có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
10	Bộ xà cân đơn 2000 cột đơn - X-20Đ - xà đỡ	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (2 ốp)	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	2,0	thanh
	Bulông M16x50	2,0	bộ
	Bulông M16x300	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (26,53kg)	1,0	bộ
11	Bộ xà đơn 2000 cột đơn lệch - X-20ĐL	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (3 ốp) lệch toàn phần	1,0	thanh
	Thanh chống L50 x 50 x 5 - 2050 mm	1,0	thanh
	PL50 x 5 - 400(01 thanh)	0,78	kg
	Bulông M16x50	1,0	bộ
	Bulông M16x300	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	3,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (30,57kg)	1,0	bộ
12	Bộ xà kép 2000 cột đơn lệch - X-20KL	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (3 ốp) lệch toàn phần	2,0	thanh
	Thanh chống L50 x 50 x 5 - 2050 mm	2,0	thanh

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	PL50 x 5 - 400(02 thanh)	1,6	kg
	Bulông M16x300	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x300	3,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=100kg (61,52kg)	1,0	bộ
13	Bộ xà cân đơn 2400 cột ghép sắt - X-24Đ.2	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920 (2 thanh)	2,0	thanh
	Bulông M16x40	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x500	2,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (31,89kg)	1,0	bộ
14	Bộ xà kép 2400 cột đơn - X-24K	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông VRS M16x300	4,0	bộ
	Bulông M16x300	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Lắp xà néo có trọng lượng <=100kg (64,55kg)	1,0	bộ
15	Bộ xà cân kép 2400 cột ghép sắt - X-24K.2	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông M16x500	1,0	bộ
	Bulông M16x600	1,0	bộ
	Bulông VRS M16x600	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Lắp xà néo có trọng lượng <=100kg (67,3kg)	1,0	bộ
16	Bộ xà cân kép 2,4m cho trụ (16m-18m-20m) ghép	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL 1025x100 x 8 (mạ kẽm nhúng nóng (độ dày lớp mạ ≥80μm))	12,9	kg
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông M16x50	12,0	bộ
	Bulông VRS M16x850	4,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Long đèn vuông ĐK 18	28,0	bộ
	Lắp xà nèo có trọng lượng <=100kg (82,89kg)	1,0	bộ
17	Bộ ghép trụ BTLT 14m	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x650	1,0	bộ
	Bulông VRS M16x700	1,0	bộ
	Bulông M22x800VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
18	Bộ ghép trụ BTLT 18m - CODE	1,0	Bộ
	Collier 8x100 Ø 195-195	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 285-285	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 365-365	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 400-400	1,0	bộ
	Bulông M22x1050VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
	Lắp Cốt bê	4,0	bộ
19	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa - Đth-U	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x300 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
20	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa cho cột ghép sắt - Đth-U-2	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x600 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
21	Bộ Uclevis nèo dây trung hòa vào cột - Nth-U	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn	1,0	cái
	Sứ ống chỉ	1,0	cái
	Bulông M16x300	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ² (1 cái)	1,0	cái
	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 50-70mm ²	2,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
22	Bộ Uclevis néo dây trung hòa vào cột ghép sắt - Nth-U-2	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn	1,0	cái
	Sứ ống chỉ	1,0	cái
	Bulông M16x600	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ² (1 cái)	1,0	cái
	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 50-70mm ²	2,0	cái
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
23	Bộ giáp núu dây trung hòa vào cột - Nth-T-G	1,0	Bộ
	Giáp néo cho dây 50 (1cái)	1,0	cái
	Mắt nối yếm cáp (1bộ)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	1,0	cái
	Bulông mắt 16x300 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ² (1cái)	1,0	cái
24	Bộ giáp núu dây trung hòa vào cột: Nth-T-G2	1,0	Bộ
	Giáp néo cho dây 50-70 (1cái)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	2,0	cái
	Bulông mắt 16x600 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ² (1cái)	1,0	cái
25	Bộ cách điện đứng - SDU-24kV	1,0	Bộ
	Sứ đứng Pinpost 24KV + Ty (1cái)	1,0	Cái
	Lắp sứ đứng 24kV	1,0	Sứ
26	Bộ cách điện đỡ thẳng - SDI-24kV	1,0	Bộ
	Sứ đứng Pinpost 24KV + Ty (1cái)	1,0	cái
	Toppin sắt L63x63x6-500mm (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x300 (2bộ)	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Lắp sứ đứng 24kV	1,0	sứ
27	Chuỗi cách điện néo Polymer 24kV-70kN (dây ACXH70) Lắp vào xà - CDN Polymer-X-G	1,0	Chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (1cái)	1,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (2 cái)	2,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Giáp néo cỡ dây ACXH70 (1cái)	1,0	cái
	Mắt nối yếm cáp (1cái)	1,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer	1,0	chuỗi
28	Chuỗi cách điện néo kép Polymer 24kV - 70kN (dây ACXH185) Lắp vào xà : CĐNK Polymer-X	1,0	Chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (2 cái/chuỗi)	2,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (9 cái/chuỗi)	9,0	cái
	Giáp néo cỡ dây ACX185 (1cái)	1,0	cái
	Khánh đơn (2cái)	2,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer kép	1,0	chuỗi
29	Bộ dây dẫn xuống hộp 1 công tơ	1,0	Bộ
	Cáp DK-CVV 2x6mm ²	6,0	mét
	Sứ ống co 2 pha (tete)	1,0	cái
	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-35mm ²	2,0	cái
	Đai thép không gỉ 10x0,4x1000mm + Khóa đai thép	2,0	cái
	Đai thép không gỉ 20x0,4x1000mm + Khóa đai thép	2,0	cái
	Bulông M16x250	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Uclevis loại lớn	1,0	cái
	Sứ ống chỉ	1,0	cái
	Vít D4x20 lắp công tơ	3,0	cái
	Hộp 1 công tơ	1,0	cái
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
30	Phần dây, sứ và phụ kiện	1,0	Bộ
30.1	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 50/8 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	889,1	kg
30.2	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 150/19 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	52,6	kg
30.3	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-70mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	13.678,5	mét
30.4	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-185mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	284,6	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
30.5	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 50mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	96,0	mét
30.6	Cáp Duplex Du-CV-2x10 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	336,0	mét
30.7	Sứ đỡ LB.FCO/FCO (loại 14kV-polymer)	24,0	cái
30.8	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ²	112,0	cái
30.9	Kẹp Splitbolt 2x11	672,0	cái
30.10	Kẹp quay dây 50-70mm ² +Hotline Clamp dây đồng 50mm ²	48,0	bộ
30.11	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-35mm ²	336,0	cái
30.12	Dây AC95 buộc sứ ống chỉ	58,0	kg
30.13	Giáp buộc sứ đơn phi từ tính 50-70mm ²	282,0	cái
30.14	Giáp buộc sứ đôi phi từ tính 50-70mm ²	39,0	cái
30.15	Băng keo cách điện trung áp	15,0	cuộn
30.16	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-50/8	4,5	km
30.17	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-150/19	0,093	km
30.18	Kéo rải căng dây lắp độ võng dây nhôm lõi thép chống thấm cách điện ACXH-70mm ²	13,4	km
30.19	Kéo rải căng dây lắp độ võng dây nhôm lõi thép chống thấm cách điện ACXH-185mm ²	0,279	km
31	Phần thiết bị đường dây	1,0	Bộ
	LBFCO 15/27KV-200A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	24,0	bộ
	FuseLink 15K	24,0	sợi
32	Móng bê tông cột 16m - MBT16 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	1,6	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	1,9	m ²
33	Móng bê tông cột 16m ghép sát - MBT16-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	2,8	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	4,3	m ²
34	Móng bê tông cột 20m ghép sát - MBT20-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	1,980	m ³
	Đổ bê tông đá 4x6 B7,5 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chèo trộn gói cho công tác này)	0,28	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chèo trộn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	18,24	m ²
	Gia công và lắp dựng cốt thép ≤10	65,58	kg
35	Bộ tiếp đất lặp lại (cột 16m) - loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 3m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,0	bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 8m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,0	bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80μm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	1,0	cọc

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đầu cosse Cu 35mm ² - Loại 2 lỗ	1,0	cái
	Bulông M12x30	2,0	bộ
	Kẹp nối ép WR(120-240/25-70)	1,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	3,8	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
36	Tiếp đất cho dây chống sét - Loại 2 cọc	1,0	Bộ
36.1	Cáp đồng trần M50mm ²	8,52	kg
36.2	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	2,00	cọc
36.3	Môi hàn hóa nhiệt	2,00	vị trí
36.4	Đầu cosse Cu 50mm ² - lỗ Ø14	1,0	cái
36.5	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ²	2,0	cái
36.6	Ống PVC Ø27	10,0	mét
36.7	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	6,0	cái
36.8	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	8,5	kg
36.9	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 2	2,0	cọc
36.10	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 2 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
36.11	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
37	Cột bê tông ly tâm DƯL 16m, lực đầu cột 11kN (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 11kN	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 11kN	1,0	Cột
38	Cột bê tông ly tâm DƯL 20m, lực đầu cột 13kN(Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 20m - 13kN	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 20m - 13kN	1,0	Cột
39	Cột bê tông ly tâm 20m, lực đầu cột 13kN có tiếp địa luôn trong thân cột (Thủ công + cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 20m - 13kN(có dây tiếp địa luôn trong thân cột)	1,0	Cột

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Lắp cột bê tông ly tâm 20m - 13kN(có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
40	Bộ xà kép 2000 cột ghép lệch - X-20KL.2	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (3 ốp) lệch toàn phần	2,0	thanh
	Thanh chống L50 x 50 x 5 - 2050 mm	2,0	thanh
	PL50 x 5 - 400(02 thanh)	1,6	kg
	Bulông M16x500	1,0	bộ
	Bulông M16x600	1,0	bộ
	Bulông VRS M16x600	3,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=100kg (63,82kg)	1,0	bộ
41	Bộ xà đơn 2400 cột đơn - X-24Đ	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	2,0	thanh
	Bulông M16x50	2,0	bộ
	Bulông M16x300	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (31,94kg)	1,0	bộ
42	Bộ tháp kép 3000 cột đơn - TS-30K	1,0	Bộ
	Đà sắt U160 - 3000mm	2,0	thanh
	Thanh chống PL160 x 100 x 6 (0,75kg/cái)	6,0	kg
	Bulông VRS M16x50	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x350	7,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	26,0	bộ
	Lắp xà cột loại 119,72kg/xà	1,0	bộ
43	Bộ tháp kép 3000 cột ghép - TS-30K.2	1,0	Bộ
	Đà sắt U160 - 3000mm	2,0	thanh
	Thanh chống PL160 x 100 x 6 (0,75kg/cái)	6,0	kg
	Bulông VRS M16x50	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x500	7,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	26,0	bộ
	Lắp xà cột loại 119,72kg/xà	1,0	bộ
44	Bộ ghép trụ BTLT 16m - CODE	1,0	Bộ
	Collier 8x100 Ø 195-195	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 240-240	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 315-315	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Collier 8x100 Ø 335-335	1,0	bộ
	Bulông M22x1050VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
	Lắp Còdê	4,0	bộ
45	Bộ ghép trụ BTLT 20m - CODE	1,0	Bộ
	Collier 8x100 Ø 195-195	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 270-270	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 335-335	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 365-365	1,0	bộ
	Bulông M22x1050VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
	Lắp Còdê	4,0	bộ
46	Bộ chằng xuống cột 12m thép sắt dùng cáp 5/8-TS-CX12-B5/8	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x400	1,0	bộ
	Bulông M16x100VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Bộ thanh nối PL60x830x6	1,0	thanh
	Sứ chằng 5/8"	1,0	cái
	Kẹp cáp 3 bulông 5/8"	8,0	cái
	Cáp thép 5/8"	18,0	mét
	Yêm cáp 5/8"	2,0	cái
	Máng che dây chằng (kèm bulông)	1,0	bộ
	Lắp bộ dây néo	1,0	bộ
47	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa - Đth-U400	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x400 (1bộ)	1,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
48	Bộ Uclevis néo dây trung hòa vào cột - Nth-U400	1,0	Bộ
	Uclevis loại lớn (1 cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1 cái)	1,0	cái
	Bulông M16x400 (1bộ)	1,0	bộ
	Kẹp nhôm 2 rãnh 3 bulông cỡ dây 50-70mm ² (1 cái)	2,0	cái
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
49	Chuỗi cách điện néo Polymer 24kV-70kN (dây ACX185, ACXH185) Lắp vào xà - CDN Polymer-X-G	1,0	Chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (1cái)	1,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (2 cái)	2,0	cái
	Giáp néo cỡ dây ACX185 (1cái)	1,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer	1,0	chuỗi
50	Chuỗi cách điện néo Polymer 24kV-70kN (dây AC240) Lắp vào xà - CDN Polymer-X-KN	1,0	Chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (1cái)	1,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (2cái)	2,0	cái
	Khóa néo cho dây 185-240 (1cái)	1,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer	1,0	chuỗi
51	Bộ dây dẫn xuống hộp 2 công tơ	1,0	Bộ
	Cáp DK-CVV 2x6mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	6,0	mét
	Sứ ống co 2 pha (tete)	1,0	cái
	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-35mm ²	2,0	cái
	Đai thép không gỉ 10x0,4x1000mm + Khóa đai thép	2,0	cái
	Đai thép không gỉ 20x0,4x1000mm + Khóa đai thép	2,0	cái
	Bulông M16x250	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Uclevis loại lớn	2,0	cái
	Sứ ống chỉ	2,0	cái
	Vít D4x20 lắp công tơ	6,0	cái
	Hộp 2 công tơ	1,0	cái
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	2,0	bộ
52	Phần thiết bị LBS (Nhà thầu chào đơn giá nhân công đối với các thiết bị do bên A cung cấp)	1,0	Bộ
	Dao cắt tải (LBS) 3 pha 24kV 630A 16kA kèm theo tủ điều khiển có kết nối SCADA và trọn bộ phụ kiện (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	DS 24KV 630A 1P O.D (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	TU 12,7/0,24kV - 1kVA (cấp nguồn Re, LBS) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Tháp cung cấp)		
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	FuseLink 3K	1,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	6,0	bộ
	Router 3G/4G cho hệ thống SCADA lắp đồng bộ và LBS/Recloser (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Tủ điều khiển LBS (bao gồm phụ kiện) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
53	Bộ xà X-8KL đặt 1xLA+1xFCO+Sứ đỡ tăng cường	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 0,8m	2,0	thanh
	Thanh chống L60 x 60 x 6 - 710 mm	2,0	thanh
	Bulông M16x300 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x300 : 1 bộ	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	6,0	bộ
	Sứ đỡ LB.FCO/FCO (loại 14kV-polymer)	1,0	cái
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=25kg (23,69kg)	1,0	bộ
54	Bộ đà sắt đỡ MBA cấp nguồn (TU)	1,0	Bộ
	Thanh đà PL50 x 50 x 900 - 2 đà	6,7	kg
	Thanh chống L50x50x5-916,5 m.nhúng (2 thanh)	6,8	kg
	Bulông M12x100	4,0	bộ
	Bulông VRS M16x350	3,0	bộ
	Bulông M16x40	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	18,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=25kg	1,0	bộ
55	Bộ xà kép 2400 đỡ cách điện - X-24K.2 - lắp DS	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông M16x300 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x300 : 4 bộ	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=100kg	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	(64,55kg)		
56	Bộ nối đất thiết bị trụ 14 m (Tiếp đất LBS bộ nối đất 04 cọc)	1,0	Bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 3m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,0	kg
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 8m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	1,0	kg
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	2,0	cọc
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ²	2,0	cái
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kéo rải và lắp dây tiếp địa trong trạm	11,0	m
	Đóng cọc tiếp địa trong trạm đất cấp 1	2,0	cọc
57	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm LBS	1,0	Bộ
	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 240mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	18,0	mét
	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 50mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	10,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV6	2,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ²	10,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²)	20,0	cái
	Băng keo cách điện trung áp ARLON	6,0	cuộn
	Băng keo mastic Scotch Super 2228	3,0	cuộn
	Bulông M10x30	24,0	bộ
	Mỡ Compond	2,0	ống
	Ống PVC Ø130	8,0	mét
	Cổ PVC 130	6,0	cái
	Nối Ống PVC 130	1,0	cái
	Biển báo chỉ danh đầu tuyến	1,0	cái
	Ổ khóa	1,0	cái
	Côđê kẹp ống PVC Ø 130	3,0	cái
	Bulông M16x100VRS	6,0	bộ
	Bulông VRS M16x350	6,0	bộ
	Bulông VRS M16x400	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	88,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Băng keo cách điện hạ thế	2,0	cuộn
58	Phần dây, sứ và phụ kiện trung thế cải tạo	1,0	Bộ
58.1	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 50/8 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	62,7	kg
58.2	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 70/11 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	173,8	kg
58.3	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 120/19 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	2.113,6	kg
58.4	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 150/19 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	765,2	kg
58.5	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 240/32 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3.816,5	kg
58.6	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-70mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	964,8	mét
58.7	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-185mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	13.462,2	mét
58.8	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 70mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	12,0	mét
58.9	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-185mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	36,0	mét
58.10	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 240mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	24,0	mét
58.11	Cáp Duplex nhôm 2x10 mm ²	426,0	m
58.12	Sứ đỡ LB.FCO/FCO (loại 14kV-polymer)	18,0	cái
58.13	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ²	54,0	cái
58.14	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²)	66,0	cái
58.15	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-35mm ²	426,0	cái
58.16	Kẹp Splitbolt 2x11	852,0	cái
58.17	Dây AC95 buộc sứ ống chỉ	24,0	kg
58.18	Giáp buộc sứ đơn phi từ tính 50-70mm ²	472,0	cái
58.19	Giáp buộc sứ đôi phi từ tính 50-70mm ²	203,0	cái
58.20	Băng keo cách điện trung áp	50,0	cuộn

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
58.21	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-50/8	0,315	km
58.22	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-70/11	0,622	km
58.23	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-120/19	4,4	km
58.24	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-150/19	1,4	km
58.25	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-240/32	4,1	km
58.26	Kéo rải căng dây lắp độ võng dây nhôm lõi thép chống thấm cách điện ACXH-70mm ²	0,946	km
58.27	Kéo rải căng dây lắp độ võng dây nhôm lõi thép chống thấm cách điện ACXH-185mm ²	13,2	km
59	Phần thiết bị đường dây	1,0	Bộ
	LBFCO 15/27KV-200A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	18,0	bộ
	FuseLink 15K	18,0	sợi
60	Tiếp đất trụ đầu nối cáp ngầm	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M50mm ²	5,2	kg
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,5	kg
	Cọc tiếp địa (mạ đồng (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$): Ø 16- 2,4m + kẹp mạ đồng	2,0	cọc
	Đầu cosse Cu 25mm ² - lỗ Ø14	5,0	cái
	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 50-70mm ²	3,0	cái
	Mối hàn hóa nhiệt	2,0	vị trí
	Kéo rải và lắp dây tiếp địa	9,6	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 2	2,0	cọc
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 2 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
61	Tiếp đất trụ đầu nối (không có lắp Recloser)	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M50mm ²	5,2	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,5	kg
	Cọc tiếp địa (mạ đồng (độ dày lớp mạ ≥80μm)): Ø 16- 2,4m + kẹp mạ đồng	2,0	cọc
	Đầu cosse Cu 25mm ² - lỗ Ø14	5,0	cái
	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 50-70mm ²	3,0	cái
	Môi hàn hóa nhiệt	2,0	vị trí
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	9,6	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 2	2,0	cọc
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 2 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
62	Bộ giá đỡ đầu cáp ngầm 3 pha	1,0	Bộ
	Sắt L75x75x8 - 980mm	8,8	kg
	Sắt L50x50x5- 400mm	3,0	kg
	Sắt L50x50x5- 450mm	1,7	kg
	Thép PL 100x100x5	0,2	kg
	Bulông VRS M16x300	2,0	bộ
	Bulông VRS U.M10x130	3,0	bộ
	Bulông VRS U.M10x80	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng ≤25kg	1,0	bộ
63	Phần dây, sứ và phụ kiện cáp ngầm (Nhà thầu chào đơn giá nhân công đối với các thiết bị do bên A cung cấp)	1,0	Bộ
63.1	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép (CXV/Sehh/DSTA) -3x50mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1.150,0	mét
63.2	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	144,0	mét
63.3	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 50mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	288,0	mét
63.4	Đầu cáp ngầm 3 pha-3x50mm ² ngoài trời	24,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
63.5	Colier bắt ống thép D73/65 vào trụ	90,7	cái
63.6	Côde kẹp ống STK Ø 26,7/20 vào trụ	96,0	cái
63.7	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 120-150mm ²	48,0	cái
63.8	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	144,0	cái
63.9	Đầu cosse Cu 25mm ²	72,0	cái
63.10	Đầu cosse Cu 50mm ²	216,0	cái
63.11	Ống sắt tráng kẽm Ø73/65 (dày 5,16mm)	136,0	mét
63.12	Ống sắt tráng kẽm Ø26,7/20 dày 2,87mm	144,0	mét
63.13	Ống nối chữ H (ống HDPE 85/65-ống thép 65)	24,0	cái
63.14	Ống nối chữ H (ống HDPE 32/25-ống thép 26)	24,0	cái
63.15	Máng nối ống HDPE-85/65	15,0	m
63.16	Mốc báo hiệu cáp ngầm	146,0	cái
63.17	Biển báo chỉ danh đầu tuyến	24,0	cái
64	Phân thiết bị đường dây (Nhà thầu chào đơn giá nhân công đối với các thiết bị do bên A cung cấp)	1,0	Bộ
	LBFCO 15/27KV-200A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	24,0	bộ
	FuseLink 20K	24,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	72,0	bộ
65	Móng bê tông cho trụ 8,5 : MBT8,5 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	0,236	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	1,3	m ²
66	Móng trụ bê tông 8,5m ghép sát - MBT8,5-2 (Đào máy)	1,0	Móng

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	0,511	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	1,3	m ²
67	Móng bê tông cho trụ 10,5 : MBT10,5(Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	0,555	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	2,4	m ²
68	Móng trụ bê tông 10,5m ghép sắt - MBT10,5-2(Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	1,2	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	3,0	m ²
69	Bộ tiếp đất lắp lại cột 8,5m- Loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	0,25	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$): $\varnothing 16- 2,4\text{m} + \text{bass}$ lắp)	1,0	cọc
	Đầu cosse Cu 70mm ²	3,0	cái
	Bulông M12x25	3,0	bộ
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95)	1,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	6,0	bộ
	Kéo rãi và lắp dây tiếp địa	0,25	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
70	Cột bê tông ly tâm 8,5m, lực đầu cột 3,0kN (Thủ công + Cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 8,5m-3,0kN	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 8,5m-3,0kN	1,0	Cột
71	Cột bê tông ly tâm 8,5m, lực đầu cột 3,0kN (Có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 8,5m-3,0kN (có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 8,5m-3,0kN (có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
72	Cột bê tông ly tâm 10,5m, lực đầu cột 3,5kN (Thủ công + Cơ giới)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 10,5m	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 10,5m	1,0	Cột
73	Cột bê tông ly tâm 10,5m, lực đầu cột 3,5kN (Có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 10,5m (có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 10,5m (có dây tiếp đất liền trong thân cột)	1,0	Cột
74	Bộ ghép trụ BTLT 8,5m	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x500	2,0	bộ
	Bulông M22x650VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
75	Bộ ghép trụ BTLT 10,5m	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x650	2,0	bộ
	Bulông M22x800VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
76	Phần dây, sứ và phụ kiện hạ thế	1,0	Bộ
76.1	Cáp hạ thế ABC 4x120 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	5.791,9	Mét
76.2	Kẹp nối ép WR cỡ dây 95 - 120	488,0	cái
76.3	Kẹp dừng cáp ABC cỡ 4x120mm ²	119,0	cái
76.4	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x120mm ²	127,0	cái
76.5	Đầu tiếp địa cố định hạ áp	208,0	cái
76.6	Bulông móc 16x250	53,0	bộ
76.7	Bulông móc 16x300	67,0	bộ
76.8	Bulông móc 16x500	49,0	bộ
76.9	Bulông móc 16x600	73,0	bộ
76.10	Long đèn vuông ĐK 18	484,0	bộ
76.11	Nắp bịt cáp ABC cỡ 120mm ²	476,0	cái
76.12	Kéo rải căng dây lấy độ võng cáp hạ thế 4x120mm ²	5,7	km
77	Móng cột 8,5m 01 đà cản 1,2m - M8,5a (Máy)	1,0	Móng
	Đà cản 1,2m - ĐC - 1,2M	1,0	cái
	Bulông M22x600VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
78	Bộ tiếp đất lắp lại cột 10,5m- Loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 3m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ ĐK14 + 4 Boulon 12x25 + 4 vòng đệm tròn)	2,0	bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80µm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	1,0	cọc
	Đầu cosse Cu 70mm ²	3,0	cái
	Bulông M12x25	3,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 50-70mm ²	1,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	6,0	bộ
	Kéo rải và lắp dây tiếp địa	2,1	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
79	Phần dây, sứ và phụ kiện cải tạo	1,0	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
79.1	Cáp hạ thế ABC 4x70 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	2.299,5	Mét
79.2	Cáp hạ thế ABC 4x120 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	28.380,9	Mét
79.3	Cáp Duplex Du-CV-2x10 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1.836,0	Mét
79.4	Kẹp nối ép WR cỡ dây 95 - 120	2.544,0	cái
79.5	Kẹp dùng cáp ABC cỡ 4x70mm ²	34,0	cái
79.6	Kẹp dùng cáp ABC cỡ 4x120mm ²	824,0	cái
79.7	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm ²	18,0	cái
79.8	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x120mm ²	680,0	cái
79.9	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-35mm ²	918,0	cái
79.10	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 120mm ²	844,0	cái
79.11	Kẹp Splitbolt 2x11	1.836,0	cái
79.12	Bulông móc 16x250	521,0	bộ
79.13	Bulông móc 16x300	214,0	bộ
79.14	Bulông móc 16x500	379,0	bộ
79.15	Bulông móc 16x600	425,0	bộ
79.16	Long đèn vuông ĐK 18	1.539,0	bộ
79.17	Nắp bịt cáp ABC cỡ 70mm ²	68,0	cái
79.18	Nắp bịt cáp ABC cỡ 120mm ²	325,0	cái
79.19	Kéo rải căng dây lấy độ võng cáp hạ thế 4x70mm ²	2,3	km
79.20	Kéo rải căng dây lấy độ võng cáp hạ thế 4x120mm ²	27,8	km
80	Tiếp đất tủ phân phối hạ thế	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	0,45	kg
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80μm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	1,0	cọc
	Đầu cosse Cu 50mm ²	1,0	cái
	Bulông M10x30	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Kéo rải và lắp dây tiếp địa	0,45	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 2	1,0	cọc
81	Phần dây, sứ và phụ kiện cáp ngầm hạ thế	1,0	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
81.1	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng, bọc giáp thép CXV/DSTA - 3x150+1x95mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1.931,5	mét
81.2	Kẹp dùng cáp ABC cỡ 4x95mm ²	86,0	cái
81.3	Cosse Cu - Al 70mm ² (Loại 2 lỗ)	86,0	cái
81.4	Cosse Cu - Al 150mm ² (Loại 2 lỗ)	258,0	cái
81.5	Đầu cáp hạ áp 3x150+1x95mm ² ngoài trời	86,0	bộ
81.6	Đầu cáp hạ áp 3x150+1x95mm ² trong tủ	172,0	bộ
81.7	Bulông móc 16x500	86,0	bộ
81.8	Long đèn vuông ĐK 18	172,0	bộ
81.9	Ống HDPE xoắn Ø110/90	1.396,4	mét
81.10	Ống sắt tráng kẽm Ø101,6/90 (dày 4,78mm)	516,0	mét
81.11	Ống nối chữ H (ống HDPE 110/90-ống thép 101,6/90)	86,0	cái
81.12	Côđê kẹp ống STK Ø101,6/90 vào trụ BTLT	258,0	cái
81.13	Máng nối ống HDPE-110/90	14,0	m
81.14	Biển tên đầu cáp	86,0	cái
81.15	Bảng nguy hiểm+số cột (theo mẫu Điện lực)	86,0	bộ
81.16	Bảng tên tủ	86,0	cái
81.17	Kéo rải cáp ngầm hạ thế - CXV3x150+1x95mm ²	1.912,4	mét
82	Tủ điện hạ thế	1,0	Bộ
	Vỏ tủ MCCB Composite Outdoor 400x600x1050mm ép máy, bên trong thanh V + tấm lắp tole 1,5 ly	86,0	cái
	Thanh đồng mạ thiếc, bọc co nhiệt (tủ phân phối)	84,0	thanh
	Thanh cái đồng 30x5mm	84,0	thanh
	Thanh cái đồng 20x5mm	84,0	thanh
	Gối đỡ thanh cái hạ thế	84,0	cái
	Tấm Mica	84,0	cái
	Đế lắp MCCB, MCB	84,0	cái
	MCCB 3 cực 600V -250A	84,0	cái
	MCCB 3 cực 600V-100A	25,0	cái
	MCB 1 pha -63A	540,0	cái
	Thanh đồng mạ thiếc, bọc co nhiệt (tủ liên kết)	2,0	thanh

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Thanh cái đồng 30x5mm	4,00	thanh
	Gối đỡ thanh cái hạ thế	2,0	cái
	Tấm Mica	2,0	cái
	Đế lắp MCCB, MCB	2,0	cái
	MCCB 3 cực 600V -250A	2,0	cái
	MCCB 3 cực 600V-100A	2,0	cái
	MCB 1 pha -63A	8,0	cái
83	Phần thiết bị ngầm hạ thế	1,0	Bộ
	MCB-230/400V-63A-6 kA	272,0	cái
	MCB-230/400V-100A-6 kA	59,0	cái
84	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 1x50KVA - Di dời	1,0	Trạm
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,23kV- 50kVA- Tháo lắp lại	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer- Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA- Tháo lắp lại	1,0	bộ
	FuseLink 6K - Tháo lắp lại	1,0	sợi
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
85	Phần vật liệu TRẠM BIẾN ÁP 1x50KVA - Di dời	1,0	Bộ
	Chụp bảo vệ MBA	1,0	cái
	Tủ phân phối 1 pha 1x50kVA - Vỏ tủ tole- Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Giá chùm treo máy biến áp 1x50 - Tháo lắp lại (22,48kg)	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x300 : 2 bộ - bổ sung mới	2,0	Bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	tán
	Bộ xà X-8ĐL đặt 1xLA+1xFCO+Sứ đỡ tăng cường - Tháo lắp lại (13,03kg)	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M25mm ² : 2 bộ - bổ sung mới (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	2,0	bộ
	Bulông M16x40: 1 bộ - bổ sung mới	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	6,0	bộ
86	Bộ tiếp đất trạm biến áp loại 4 cọc:	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M25mm ² : 4kg (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$): $\varnothing 16- 2,4\text{m} +$ bass lắp: 4 cọc	4,0	cọc
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 8m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ $\text{ĐK}14 + 4$ Boulon $12 \times 25 + 4$ vòng đệm tròn)	1,0	bộ
	Dây thép TK35 bọc nhựa dài 3m (ép dẹp 02 đầu và khoan mỗi đầu 02 lỗ $\text{ĐK}14 + 4$ Boulon $12 \times 25 + 4$ vòng đệm tròn)	2,0	bộ
	Bulông $M12 \times 25$: 8 bộ	8,0	bộ
	Bulông $M12 \times 50$: 3 bộ	3,0	bộ
	Đầu cosse Cu 25mm^2 : 4 cái	4,0	cái
	Long đèn vuông $\text{ĐK} 18$	22,0	bộ
	Kẹp nối ép WR($120-240/25-70$) : 2 Cái	2,0	cái
	Đai + khoá đai Inox ($10 \times 0,4 \times 1250$)mm : 5 bộ	5,0	cái
	Cáp đồng bọc 600V-CV6 : 2m	2,0	mét
	Đầu cosse Cu 10mm^2 : 2 cái	2,0	cái
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa trong trạm	34,0	m
	Đóng cọc tiếp địa trong trạm đất cấp 1	4,0	cọc
87	Bộ dây dẫn xuống 22kV 1 pha	1,0	Bộ
	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm^2 : 8m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	8,0	mét
	Kẹp IPC 95-95 trung thế : 1bộ	1,0	cái
88	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 50KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV70 :(30) m - Tháo lắp lại	30,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV50 :7 m - Tháo lắp lại	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 2m (T.Hòa xuống ĐK) - Tháo lắp lại	2,0	mét
	Đầu cosse Cu 10mm^2 : 1 cái	1,0	cái
	Đầu cosse Cu 70mm^2 : 4 cái	4,0	cái
	Đầu cosse Cu 50mm^2 : 2 cái	2,0	cái
	Kẹp nối ép WR cỡ dây $50-70\text{mm}^2$: 4 cái	4,0	cái
	Co PVC 90 : 6 cái	6,0	cái
	Ống PVC $\varnothing 90$: $2 \times 6\text{m}$	12,0	mét
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng
89	Bộ Code cho trụ ghép 14m kẹp ống D90: 1 bộ 3 cái	1,0	bộ
	PL60x4	13,9	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Keo dán ống PVC : 1 ống nhỏ	1,0	cái
	Băng keo cách điện hạ thế : 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Hộp Silicon : 2 hộp	2,0	hộp
90	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 3x25kVA > 3x75KVA (1 TRẠM)	1,0	Trạm
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,23kV- 75kVA - MBA SDL	3,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,23kV- 25kVA - Tháo thu hồi	3,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer- Tháo thu hồi	3,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	FuseLink 3K- Tháo thu hồi	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA- Tháo thu hồi	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 3x75kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 3x25kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
91	Giá chùm treo 3 MBT	1,0	Bộ
	Giá chùm treo máy biến áp 3x75: 1 bộ	1,0	tấn
	Bulông M16x300 : 3 bộ	3,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	6,0	bộ
	Lắp giá chùm treo máy biến áp 3x75(43,93kg)	0,044	tấn
92	Bộ xà đỡ 2400 kép đỡ FCO + LA	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông M16x300 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x300 : 4 bộ	4,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Sứ đỡ LB.FCO/FCO (loại 14kV-polymer)	3,0	cái
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=100kg (64,55kg)	1,0	bộ
93	Bộ xà đơn 2400 đỡ cách điện - X24Đ	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	2,0	thanh
	Bulông M16x50 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông M16x300 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông M16x300	4,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (31,94kg)	1,0	bộ
94	Bộ cách điện đứng SDU-24kV	1,0	Bộ
	Sứ đứng Pinpost 24KV + Ty	1,0	cái
	Ty sứ đứng 24KV	1,0	cái
	Giáp buộc sứ đơn phi từ tính 50-70mm ²	1,0	cái
	Lắp sứ đứng 10-35kV cho trạm biến áp	1,0	sứ
95	Bộ dây dẫn xuống 22KV 3 pha	1,0	Bộ
	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ² : 3x8m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	24,0	Mét
	Kẹp nối bọc cách điện IPC cỡ dây 95-95mm ² : 3bộ	3,0	cái
96	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 3x75kVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8+3x9) m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	51,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 8+9m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	17,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2 cái	2,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 2m	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
97	Bộ Code cho trụ đơn 14m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	Bộ
	PL60x4	14,77	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
98	Bộ Code cho trụ ghép 14m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	Bộ
	PL60x4	14,8	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Hộp Silicon: 2 hộp	2,0	hộp
	Keo dán ống PVC: 1 ống nhỏ	1,0	cái
	Băng keo cách điện hạ thế: 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng
99	Phần vật tư thu hồi	1,0	Bộ
	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	1,0	Bộ
	Cáp đồng trần M25mm ² :(10) m - Tháo thu hồi	10,0	m
	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ² :(9) m - Tháo thu hồi	9,0	m
	Giá treo MBA loại 3 pha 3x25KVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV50 :(12) m - Tháo thu hồi	12,0	m
	Cáp đồng bọc 600V-CV95 :(36) m - Tháo thu hồi	36,0	m
100	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 3x50kVA - Di dời	1,0	Trạm
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,23kV- 50kVA- Tháo lắp lại	3,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	FuseLink 8K -Tháo lắp lại	3,0	sợi
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
101	Phần vật liệu TRẠM BIẾN ÁP 3x50kVA - Di dời	1,0	Trạm
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Tủ phân phối 3x50kVA - Tháo lắp	1,0	bộ
	Giá chùm treo máy biến áp 3x50 - Tháo lắp	1,0	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	lại		
	Bộ xà sắt đơn 2,4m chống lắc lắp FCO, LA và sứ đỡ tăng cường - Tháo lắp lại	1,0	Bộ
	Bộ xà sắt đơn lắp SĐU-24kV - Tháo lắp lại	1,0	Bộ
	Bộ cách điện đứng SĐU-24kV - Tháo lắp lại	3,0	Bộ
102	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 3x50KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 :(51) m - Tháo lắp lại	51,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV70 :17 m - Tháo lắp lại	17,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) - Tháo lắp lại	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 9 cái	9,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Đầu cosse Cu 70mm ² : 3 cái	3,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
	Bộ Code cho trụ ghép 14m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	bộ
	PL60x4	14,8	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Keo dán ống PVC : 1 ống nhỏ	1,0	cái
	Băng keo cách điện hạ thế : 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Hộp Silicon : 2 hộp	2,0	hộp
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng
103	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 3x37,5kVA - Di dời	1,0	Trạm
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,23kV-37,5kVA- Tháo lắp lại	3,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	FuseLink 6K -Tháo lắp lại	3,0	sợi
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
104	Phần vật liệu TRẠM BIẾN ÁP 3x37,5kVA - Di dời	1,0	Bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Tủ phân phối 3x37,5kVA - Tháo lắp	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Giá chùm treo máy biến áp 3x37,5 - Tháo lắp lại	1,0	Bộ
	Bộ xà sắt đơn 2,4m chống lắc lắp FCO, LA và sứ đỡ tăng cường - Tháo lắp lại	1,0	Bộ
	Bộ xà sắt đơn lắp SĐU-24kV - Tháo lắp lại	1,0	Bộ
	Bộ cách điện đứng SĐU-24kV - Tháo lắp lại	3,0	Bộ
105	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 3x37,5KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV95 :(45) m - Tháo lắp lại	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV50 :7 m - Tháo lắp lại	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) - Tháo lắp lại	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 95mm ² : 9 cái	9,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Đầu cosse Cu 50mm ² : 3 cái	3,0	cái
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 8m	8,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
	Bộ Code cho trụ ghép 14m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	bộ
	PL60x4	14,8	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Keo dán ống PVC : 1 ống nhỏ	1,0	cái
	Băng keo cách điện hạ thế : 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Hộp Silicon : 2 hộp	2,0	hộp
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng
106	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 1x75-->250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 75kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 8K - Tháo thu hồi	1,0	sợi

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 1x75kVA -Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vô tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
107	Bộ đà đỡ máy biến áp trụ ghép	1,0	Bộ
	Đà máy biến áp U160x64x5 dài 1700 : 2 bộ	2,0	thanh
	Đà máy biến áp U160x64x5 dài 2100 : 2 bộ	2,0	thanh
	Đà U160x64x5 dài 700 : 1 bộ	1,0	thanh
	Đà U160x64x5 dài 1460 : 1 bộ	1,0	thanh
	Đà U100x46x4,5 dài 500 : 2 bộ	2,0	thanh
	Đà U100x46x4,5 dài 1100 : 3 bộ	3,0	thanh
	Đà U100x46x4,5 dài 700 : 3 bộ	3,0	thanh
	Bulông VRS M16x400	4,0	bộ
	Bulông VRS M16x750 : 6 bộ	6,0	bộ
	Bulông M16x350 : 4 bộ	4,0	bộ
	Bulông M16x100 : 2 bộ	2,0	bộ
	Bulông M16x60 : 20 bộ	20,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	98,0	bộ
	Lắp xà thép đỡ máy biến áp (212kg)	0,212	tấn
108	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2cái	2,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
109	Phần vật tư thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 1x75-->250KVA	1,0	Bộ
109.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	1,0	Bộ
109.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(3) m - Tháo thu hồi	3,0	m
109.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 10m tháo thu hồi	10,0	m
109.4	Giá treo MBA loại 1 pha 1x75KVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
109.5	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	1,0	bộ
109.6	Cáp đồng bọc 600V-CV70 : 12m tháo thu hồi	12,0	m
109.7	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 24m tháo thu hồi	24,0	m
110	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP (25+25+25)KVA-->250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 25kVA - Tháo thu hồi	3,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 3K - Tháo thu hồi	3,0	sợi
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Tủ phân phối 25kVA -Tháo thu hồi	3,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái -	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Tháo lắp lại		
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
111	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
112	Phần vật tư thu hồi TRẠM BIẾN ÁP (25+25+25)KVA-->250KVA	1,0	Bộ
112.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	2,0	Bộ
112.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(6) m - Tháo thu hồi	6,0	mét
112.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 20m tháo thu hồi	20,0	mét
112.4	Giá treo MBA 1 pha 1x25 - Tháo thu hồi	2,0	bộ
112.5	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	2,0	bộ
112.6	Cáp đồng bọc 600V-CV25 : 48m tháo thu hồi	48,0	mét
112.7	Cáp đồng bọc 600V-CV16 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
113	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 50+75-->250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 50kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 75kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	FuseLink 3K- Tháo thu hồi	2,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 50 kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 75 kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
114	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
115	Phần vật tư thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 50+75-->250KVA	1,0	Bộ
115.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	4,0	Bộ
115.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(6) m - Tháo thu hồi	6,0	mét
115.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 20m tháo thu hồi	20,0	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
115.4	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	2,0	bộ
115.5	Giá treo MBA 1 pha - Tháo thu hồi	2,0	bộ
115.6	Cáp đồng bội 600V-CV6 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
115.7	Cáp đồng bội 600V-CV10 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
115.8	Cáp đồng bội 600V-CV35 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
115.9	Cáp đồng bội 600V-CV50 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
116	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 37,5+50-->250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 50kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 37,5kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	FuseLink 3K- Tháo thu hồi	2,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 50 kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 37,5 kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
117	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bội 600V-CV240 : (3x8+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
118	Phần vật tư thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 37,5+50-->250KVA	1,0	Bộ
118.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	1,0	Bộ
118.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(6) m - Tháo thu hồi	6,0	mét
118.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 20m tháo thu hồi	20,0	mét
118.4	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	2,0	bộ
118.5	Giá treo MBA 1 pha - Tháo thu hồi	2,0	bộ
118.6	Cáp đồng bọc 600V-CV25 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
118.7	Cáp đồng bọc 600V-CV16 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
118.8	Cáp đồng bọc 600V-CV35 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
118.9	Cáp đồng bọc 600V-CV50 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
119	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 2x37,5-->250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 37,5kVA - Tháo thu hồi	2,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 10K - Tháo thu hồi	1,0	sợi
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	hỏi		
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Tủ phân phối 2x37,5kVA -Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
120	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : 3x7+3x8m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 : 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
121	Bộ Code cho trụ ghép 16m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	Bộ
	PL60x4	14,8	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Keo dán ống PVC : 1 ống	1,0	cái
	Hộp Silicon : 2 hộp	2,0	hộp
	Băng keo cách điện hạ thế : 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng
122	Phần vật tư thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 2x37,5-->250KVA	1,0	Bộ
122.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	2,0	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
122.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² : (3) m - Tháo thu hồi	3,0	mét
122.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 10m tháo thu hồi	10,0	mét
122.4	Giá treo MBA loại 1 pha 2x37,5KVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
122.5	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	1,0	bộ
122.6	Cáp đồng bọc 600V-CV150 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
122.7	Cáp đồng bọc 600V-CV70 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
123	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 3x50-->250KVA-SDL	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - SDL MBA thu hồi	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 50kVA - Tháo thu hồi	3,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	FuseLink 8K- Tháo thu hồi	1,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	2,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 3x50kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
124	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8m+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Tháp cung cấp)		
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2 cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
125	Phần vật liệu thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 3x50-->250KVA	1,0	Bộ
125.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	3,0	Bộ
125.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(9) m - Tháo thu hồi	9,0	mét
125.3	Cáp đồng trần M25mm ² : 10m tháo thu hồi	10,0	mét
125.4	Giá treo MBA 3x50kVA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
125.5	Cáp đồng bọc 600V-CV70 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
125.6	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 36m tháo thu hồi	36,0	mét
126	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 250KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
127	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8m+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2 cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
128	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 400KVA	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 400kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FuseLink 20K	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 400kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
129	Bộ dây dẫn hạ thế trạm 400KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 3x(3x9+3x8)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	153,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV95 : 34m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	34,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 18 cái	18,0	cái
	Đầu cosse Cu 95mm ² : 4 cái	4,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 bảo vệ cáp hạ thế: 12m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6 cái	6,0	cái
130	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 100-->250KVA - Trạm ngồi	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 1P loại 12,7/0,22kV- 100kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	FuseLink 8K	3,0	sợi
	FuseLink 10K- Tháo thu hồi	1,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ phân phối 1 pha 100kVA -Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 250kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
131	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : (3x8m+3x7)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 7m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m CB xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2 cái	2,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6	6,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	cái		
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 bảo vệ cáp hạ thế: 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6cái	6,0	cái
132	Phần vật liệu thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 100-->250KVA	1,0	Bộ
132.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	1,0	bộ
132.2	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ² :(3) m - Tháo thu hồi	3,0	mét
132.3	Cáp đồng bọc 600V-CV70 : 12m tháo thu hồi	12,0	mét
132.4	Cáp đồng trần M25mm ² : 10m tháo thu hồi	10,0	mét
132.5	Bộ giá treo MBA	1,0	bộ
132.6	Bộ xà X-8ĐL lắp LA, FCO - Tháo thu hồi	1,0	bộ
132.7	Cáp đồng bọc 600V-CV750 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
133	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 250-->400KVA - Trạm ngồi	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 400kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	FuseLink 12K	3,0	sợi
	FuseLink 10K- Tháo thu hồi	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 250kVA -Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 400kVA - Vỏ tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Bộ DCU lấy tín hiệu đo ghi từ xa: 01 cái - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
134	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 400KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 3x(3x7+3x8)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	135,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV95 : 14m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	14,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 18 cái	18,0	cái
	Đầu cosse Cu 95mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 bảo vệ cáp hạ thế: 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6cái	6,0	cái
135	Phần vật liệu thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 250-->400KVA	1,0	Bộ
135.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	3,0	bộ
135.2	Dây đồng bọc chống thấm 24kV CXH 25mm ² :(9) m - Tháo thu hồi	9,0	mét
135.3	Cáp đồng bọc 600V-CV240 : 36m tháo thu hồi	36,0	mét
135.4	Cáp đồng trần M25mm ² : 10m tháo thu hồi	10,0	mét
135.5	Bộ giá đỡ MBA	1,0	bộ
135.6	Bộ xà đơn X-24Đ	1,0	bộ
135.7	Bộ xà đỡ 2,4m đặt 3(FCO+LA)	1,0	bộ
135.8	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 24m tháo thu hồi	24,0	mét
136	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 320-->400KVA - Trạm ngồi	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 400kVA - Vỏ mạ kẽm (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	máy
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 320kVA - Tháo thu hồi	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	FuseLink 20K	3,0	sợi
	FuseLink 10K- Tháo thu hồi	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA - Tháo thu hồi	3,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 320kVA -Tháo thu hồi	1,0	bộ
	Tủ hạ thế 2 lộ ra TBA 3 pha 400kVA - Vô tủ tole (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	Chụp bảo vệ MBA	3,0	cái
	Chụp bảo vệ LA	3,0	cái
137	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 400KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 : 3x(3x9+3x8)m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	153,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV95 : 34m (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	34,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m T.Hòa xuống ĐK (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 18 cái	18,0	cái
	Đầu cosse Cu 95mm ² : 6 cái	6,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) : 6 cái	6,0	cái
	Kẹp nối ép WR419 (ép dây 70-95/70-95) : 2 cái	2,0	cái
	Ống PVC Ø114 bảo vệ cáp hạ thế: 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6cái	6,0	cái
138	Phần vật liệu thu hồi TRẠM BIẾN ÁP 320-->400KVA	1,0	Bộ
138.1	Kẹp quai 2/0 +Hotline Clamp 2/0 - Tháo thu hồi	3,0	bộ
138.2	Cáp đồng bọc Cu/XLPE/12,7/22(24)KV-25mm ² :(3) m - Tháo thu hồi	3,0	mét
138.3	Cáp đồng bọc 600V-CV70 : 10m tháo thu hồi	10,0	mét
138.4	Cáp đồng trần M25mm ² : 5m tháo thu hồi	5,0	mét
138.5	Bộ giá đỡ MBA	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
138.6	Cáp đồng bọc 600V-CV50 : 5m tháo thu hồi	5,0	mét
139	PHẦN TRẠM BIẾN ÁP 250KVA - Di dời	1,0	Trạm
	Máy biến áp 3P loại 22/0,4kV- 250kVA - Tháo lắp lại	1,0	máy
	FCO 15/27kV-100A (kể cả Bass) - Polymer- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	FuseLink 10K- Tháo lắp lại	3,0	sợi
	Chống sét van LA 18kV - 10kA- Tháo lắp lại	3,0	bộ
	Tủ phân phối 3 pha 250kVA - Tháo lắp lại	1,0	bộ
140	PHẦN VẬT LIỆU TRẠM BIẾN ÁP 250KVA - Di dời	1,0	Bộ
	Bộ đà đỡ máy biến áp - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Bộ xà sắt đơn 2,4m chống lắc lắp FCO, LA - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Bộ xà sắt đơn lắp SĐU-24kV - Tháo lắp lại	1,0	bộ
	Bộ cách điện đứng SĐU-24kV - Tháo lắp lại	3,0	bộ
141	Bộ dây dẫn hạ thế Trạm 250KVA	1,0	Bộ
	Cáp đồng bọc 600V-CV240 :(45) m - Tháo lắp lại	45,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV120 :7 m - Tháo lắp lại	7,0	mét
	Cáp đồng bọc 600V-CV10 : 4m (T.Hòa xuống ĐK) - Tháo lắp lại	4,0	mét
	Đầu cosse Cu 240mm ² : 6 cái	9,0	cái
	Đầu cosse Cu 120mm ² : 2 cái	3,0	cái
	Đầu cosse Cu 10mm ² : 1 cái	1,0	cái
	Ống PVC Ø114 bảo vệ cáp hạ thế: 2x6m	12,0	mét
	Co PVC 114 : 6cái	6,0	cái
	Bộ Code cho trụ ghép 14m kẹp ống D114: 1 bộ 3 cái	1,0	bộ
	PL60x4	14,8	kg
	Bulông VRS M14x80	12,0	bộ
	Hộp Silicon : 2 hộp	2,0	hộp
	Keo dán ống PVC : 1 ống nhỏ	1,0	cái
	Băng keo cách điện hạ thế : 1 cuộn (lấy tín hiệu ĐK)	1,0	cuộn
	Bảng tên trạm (theo mẫu Điện lực)	1,0	Bảng

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
142	PHẦN VẬT TƯ THU HỒI VÀ THÁO LẮP LẠI ĐƯỜNG DÂY TRUNG THỂ - CẢI TẠO	1,0	Bộ
142.1	Tháo thu hồi Cáp đồng bọc CXV25	0,631	Mét
143	PHẦN VẬT TƯ THU HỒI VÀ THÁO LẮP LẠI ĐƯỜNG DÂY HẠ THỂ - CẢI TẠO	1,0	Bộ
143.1	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn dẫn nhôm lõi thép trần AC35	0,622	Km
143.2	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn dẫn nhôm lõi thép trần AC50	2,2	Km
143.3	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn dẫn nhôm lõi thép trần AC70	0,601	Km
143.4	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn dẫn nhôm lõi thép trần AC120	5,3	Km
143.5	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn dẫn nhôm lõi thép ACX120	1,8	Km
143.6	Tháo hạ và thu hồi dây dẫn AV50	37,3	Km
143.7	Tháo lắp nhánh rẽ vào nhà (2x15m)	25,2	Km
143.8	Tháo và căng lại dây, lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC50	0,64	Km
143.9	Tháo và căng lại dây, lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC70	0,753	Km
143.10	Tháo và căng lại dây, lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần ACXH50	1,9	Km
143.11	Tháo và căng lại dây, lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần ACX95	2,3	Km
143.12	Tháo, thu hồi rack 2 sứ + sứ ống chỉ	12,0	Bộ
143.13	Tháo, thu hồi rack 3 sứ + sứ ống chỉ	290,0	Bộ
143.14	Tháo thu hồi bộ cách điện đỡ thẳng - SĐI-24kV	9,0	Bộ
143.15	Tháo thu hồi Đth - U	80,0	Bộ
143.16	Tháo thu hồi Nth - U	12,0	Bộ
143.17	Tháo chuỗi cách điện Polymer 24kV-70kN	6,0	Chuỗi
143.18	Nhỏ trụ bê tông vuông 6,5 m	11,0	Bộ
143.19	Cắt gốc trụ bê tông ly tâm 7,5 m	314,0	Bộ
143.20	Cắt gốc trụ bê tông ly tâm 8,5 m	212,0	Bộ
143.21	Cắt trụ bê tông ly tâm 10,5 m	49,0	Bộ
143.22	Nhỏ trụ bê tông ly tâm 10,5 m	4,0	Bộ
143.23	Nhỏ trụ bê tông ly tâm 12 m	2,0	Cột
143.24	Cắt trụ bê tông ly tâm 12 m	22,0	Cột
143.25	Nhỏ trụ bê tông ly tâm 14 m	3,0	Bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
143.26	Cắt trụ bê tông ly tâm 14 m	29,0	Bộ
143.27	Tháo lắp bộ cách điện đứng - SĐU-24kV	228,0	Sứ
143.28	Tháo & lắp lại bộ Uclevis đỡ dây trung hòa - Đth-U	76,0	Bộ
143.29	Tháo và lắp Nth - U	14,0	Bộ
143.30	Tháo lắp chuỗi cách điện Polymer 24kV-70kN	81,0	Chuỗi
143.31	Tháo lắp bộ xà cân kép 2000 - X-20KL	20,0	Bộ
143.32	Tháo lắp xà thép X-24K	8,0	Bộ
143.33	Tháo & lắp lại xà thép X-24Đ	36,0	Bộ
143.34	Tháo thu hồi xà thép X-24Đ	10,0	Bộ
143.35	Thu hồi Bộ xà cân kép 2400 cột ghép sát: X-24K	11,0	Bộ
143.36	Tháo hộp công tơ	487,0	Cái
143.37	Lắp đặt hộp công tơ	487,0	Cái
143.38	Tháo thu hồi Boulon	604,0	Cái
143.39	Tháo thu hồi kẹp treo, kẹp ngừng cáp bọc vụn xoắn	86,0	Bộ
144	Chi phí Khác		
144.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	1,0	Khoán
144.2	Chi phí cho một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế như gồm: - Chi phí an toàn lao động (bao gồm chi cả chi phí ngừng và cấp điện trở lại; - Chi phí thử nghiệm các vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp; - Chi phí di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường; v..v..	1,0	Khoán
144.3	Chi phí khác bao gồm các chi phí: Chi phí di chuyển bộ máy thi công và lực lượng lao động đến công trường, Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công, Chi phí kho bãi phục vụ thi công và chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng công trình, Chi phí xin phép khoan cáp ngầm vượt đường, chi phí xin dựng trụ đường Quốc lộ, Tỉnh lộ.v...v;	1,0	Khoán
II	Công trình Xây dựng lộ ra trạm 110kV Tân Mỹ Chánh		
1	Công tác phát quang tuyến phục vụ thi công và đóng điện	1,0	Khoán
2	Móng bê tông cột 16m - MBT16 (Đào máy)	1,0	Móng

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	1,6	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	5,8	m ²
3	Móng bản cột 16m ghép sắt - MBT16-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	2,8	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	7,7	m ²
4	Móng cột 18m - MBT18 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chào trọn gói cho công tác này)	1,9	m ³
	Đào đất bằng máy đào 0,4m ³ đất cấp 2 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	6,2	m ²
5	Móng bê tông cột 18m ghép sắt - MBT18-2 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu	3,1	m ³

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chàu trọn gói cho công tác này)		
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	8,2	m ²
6	Móng cột 22m - MBT22 (Đào máy)	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chàu trọn gói cho công tác này)	1,6	m ³
	Thép tròn Ø10	19,4	kg
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Gia công và lắp dựng cốt thép ≤10	19,4	kg
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	7,0	m ²
7	Móng bản cột ghép sát cột 22m - MB15-30	1,0	Móng
	Đổ bê tông đá 1x2 B15 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chàu trọn gói cho công tác này)	3,7	m ³
	Đổ bê tông đá 4x6 B7,5 (chiều rộng <=250cm) (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng cát, đá, xi măng chàu trọn gói cho công tác này)	0,43	m ³
	Thép tròn Ø10	23,6	kg
	Thép tròn gân Ø<18	118,3	kg
	Đào đất bằng máy đào 0,8m ³ đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất công trình bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chàu trọn gói cho	1,0	Khoán

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	công tác này)		
	Gia công và lắp dựng cốt thép ≤ 10	23,6	kg
	Gia công và lắp dựng cốt thép ≤ 18	118,3	kg
	Gia công và lắp dựng ván khuôn thép	12,6	m ²
8	Bộ tiếp đất lặp lại (cột 16m) - loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Ống HDPE Ø27	1,0	mét
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	0,4	kg
	Cọc tiếp địa (mạ đồng (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$)): Ø 16- 2,4m + kẹp mạ đồng	1,0	cọc
	Thép tròn Ø10	7,4	kg
	Bulông M12x30 mạ Zn và lông đèn Ø14	1,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	4,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	7,8	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
9	Bộ tiếp đất lặp lại (cột 18m) - loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Ống HDPE Ø27	1,0	mét
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	0,4	kg
	Cọc tiếp địa (mạ đồng (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$)): Ø 16- 2,4m + kẹp mạ đồng	1,0	cọc
	Thép tròn Ø10	8,6	kg
	Bulông M12x30 mạ Zn và lông đèn Ø14	1,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	4,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	9,0	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
10	Bộ tiếp đất lặp lại (cột 22m) - loại 1 cọc	1,0	Bộ
	Ống HDPE Ø27	1,0	mét
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	0,4	kg
	Cọc tiếp địa (mạ đồng (độ dày lớp mạ ≥80µm)): Ø 16- 2,4m + kẹp mạ đồng	1,0	cọc
	Thép tròn Ø10	12,3	kg
	Bulông M12x30 mạ Zn và lông đèn Ø14	1,0	bộ
	Đai + khoá đai Inox (10x0,4x1250)mm	3,0	cái
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	4,0	cái
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	12,7	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	1,0	cọc
11	Bộ tiếp đất cho chống sét van (3LA) cột 16- loại 2 cọc	1,0	Bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80µm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	2,0	cọc
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,0	kg
	Đầu cosse Cu 50mm ²	8,0	cái
	Bulông M12x50	5,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	1,0	cái
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	4,0	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	2,0	cọc
12	Bộ tiếp đất cho chống sét van (3LA) cột 18- loại 2 cọc	1,0	Bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ ≥80µm)): Ø 16- 2,4m + bass lắp	2,0	cọc

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,4	kg
	Đầu cosse Cu 50mm ²	8,0	cái
	Bulông M12x50	5,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	1,0	cái
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	4,4	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	2,0	cọc
13	Bộ tiếp đất cho chống sét van (3LA) cột 22- loại 2 cọc	1,0	Bộ
	Cọc tiếp địa (mạ kẽm (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$): Ø 16- 2,4m + bass lắp	2,0	cọc
	Cáp đồng trần M25mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	4,8	kg
	Đầu cosse Cu 50mm ²	8,0	cái
	Bulông M12x50	5,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Kẹp nối ép WR cỡ dây 25-50mm ²	1,0	cái
	Đào rãnh tiếp địa đất cấp 1 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Đắp đất rãnh tiếp địa bằng đầm cóc, độ chặt K = 0,85 (Theo bản vẽ thiết kế nhà thầu tự tính toán khối lượng chào trọn gói cho công tác này)	1,0	Khoán
	Kéo rãnh và lắp dây tiếp địa	4,8	kg
	Đóng cọc tiếp địa đất cấp 1	2,0	cọc
14	Cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 11,0kN (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 1100kgf	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 1100kgf	1,0	Cột
15	Cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 11,0kN (có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột	1,0	Cột

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	1100kgf - có dây tiếp đất luôn trong thân cột		
	Lắp cột bê tông ly tâm 16m, lực đầu cột 1100kgf - có dây tiếp đất luôn trong thân cột	1,0	Cột
16	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kgf (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kgf (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kgf (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
17	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 18m, lực đầu cột 11,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
18	Cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (không có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
19	Cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
	Lắp cột bê tông ly tâm 22m, lực đầu cột 13,0kN (Có dây tiếp đất luôn trong thân cột)	1,0	Cột
20	Bộ xà đơn 2000 cột đơn lệch - X-20DL	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (3 óp) lệch toàn phần	1,0	thanh
	Thanh chống L50 x 50 x 5 - 2050 mm	1,0	thanh
	PL50 x 5 - 400(01 thanh)	0,78	kg
	Bulông M16x50	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	3,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (30,57kg)	1,0	bộ
21	Bộ xà kép 2000 cột đơn lệch - X-20KL	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (3 ốp) lệch toàn phần	2,0	thanh
	Thanh chống L50 x 50 x 5 - 2050 mm	2,0	thanh
	PL50 x 5 - 400(02 thanh)	1,6	kg
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x300	3,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=100kg (61,52kg)	1,0	bộ
22	Bộ xà đơn 2400 cột đơn - X-24Đ	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	2,0	thanh
	Bulông M16x50	2,0	bộ
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng <=50kg (31,94kg)	1,0	bộ
23	Bộ xà kép 2400 cột đơn - X-24K	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông VRS M16x300	4,0	bộ
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Lắp xà néo có trọng lượng <=100kg (64,55kg)	1,0	bộ
24	Bộ xà cân kép 2400 cột ghép sắt - X-24K.2	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Bulông M16x500	1,0	bộ
	Bulông M16x600	1,0	bộ
	Bulông VRS M16x600	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	10,0	bộ
	Lắp xà néo có trọng lượng <=100kg (67,3kg)	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
25	Bộ xà cân đỡ chống lắc đặt 3LBFCO - X24-FCO(LBFCO)	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2,4m	1,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	2,0	thanh
	Côđê chống lắc xà FCO Ø 200-Fe 8x100 (mạ kẽm nhúng nóng (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$))	1,0	bộ
	Bulông M16x50	2,0	bộ
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng $\leq 50\text{kg}$ (35,72kg)	1,0	bộ
26	Bộ xà Composite lắp FCO-LA - X28K.COM-24-FCO(C)	1,0	Bộ
	Đà composite 75x75x6-2.800	2,0	Cây
	Thanh chống Composite 40x10-920	4,0	Cây
	Bulông M16x450 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Bulông VRS M16x450 + 4 Vòng đệm vuông + 4 Đai ốc	2,0	bộ
	Bulông M16x100	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng $\leq 25\text{kg}$	1,0	bộ
27	Bộ thép đầu cột và xà lắp dây chống sét 3500 - TS-35D-DCS	1,0	Bộ
	Đà sắt L75x75x8:(L= 3,5m x1 thanh + 100x 4 cóc)	1,0	thanh
	Bulông M16x200 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Bulông M16x300 + 2 Vòng đệm vuông + 1 Đai ốc	2,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	8,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng $\leq 100\text{kg}$ (85,95kg)	1,0	bộ
28	Bộ thép đầu cột và xà lắp dây chống sét 3500 - TS-35K-DCS	1,0	Bộ
	Đà sắt U120 - 3500mm	2,0	thanh
	L50x5 - 310mm (2 thanh) nhúng kẽm	2,3	kg
	PL300x50x5 - 310 mm nhúng kẽm	0,59	kg
	Bulông M16x50	12,0	bộ
	Bulông VRS M16x350	3,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	18,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	(81,7kg)		
29	Bộ xà cân kép 2000 cột BTLT >= 16 ghép - X20M-24K.2	1,0	Bộ
	L75 x 75 x 8 - 2m (2 ốp)	2,0	thanh
	Thanh chống PL6 x 60 x 920	4,0	thanh
	Thanh chống PL 1025x100 x 8 (mạ kẽm nhúng nóng (độ dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$))	12,9	kg
	Bulông M16x50	12,0	bộ
	Bulông VRS M16x850 + 2 Vòng đệm vuông + 2 Đai ốc	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	20,0	bộ
	Lắp xà đỡ có trọng lượng $\leq 100\text{kg}$ (66,9kg)	1,0	bộ
30	Bộ thép sắt kép dài 5000-TS-50K lắp xà và lắp DCS	1,0	Bộ
	Đà sắt U160 - 5000mm	2,0	thanh
	Thanh chống PL160 x 6x740 (2,83kg/m)	25,1	kg
	L50x5-L=280 (3,77kg/m)	4,2	kg
	Bulông M16x50	16,0	bộ
	Bulông VRS M16x350	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	24,0	bộ
	Lắp xà cột loại 178,85kg/xà	1,0	bộ
31	Bộ ghép trụ BTLT 14m	1,0	Bộ
	Bulông VRS M16x650	1,0	bộ
	Bulông VRS M16x700	1,0	bộ
	Bulông M22x800VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	4,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
32	Bộ ghép trụ BTLT 16m - CODE	1,0	Bộ
	Collier 8x100 Ø 195-195	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 240-240	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 315-315	1,0	bộ
	Collier 8x100 Ø 335-335	1,0	bộ
	Bulông M22x1050VRS	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 24	2,0	bộ
	Lắp Cốt bê	4,0	bộ
33	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa - Đth-U	1,0	bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x250 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
34	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa - Đth-U400	1,0	bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	cái	1
	Sứ ống chỉ (1cái)	cái	1
	Bulông M16x400 + 2 Vòng đệm vuông+ 1 Đai ốc (1bộ)	bộ	1
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	bộ	1
35	Bộ Uclevis đỡ dây trung hòa cho cột ghép sắt - Đth-U-2	1,0	bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông M16x600 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
36	Bộ đỡ dây chống sét trên xà - Đth-UX-DCS	1,0	bộ
	Uclevis loại lớn (1cái)	1,0	cái
	Sứ ống chỉ (1cái)	1,0	cái
	Bulông mắt 16x50 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
37	Bộ Uclevis néo dây chống sét vào xà - Nth-X-DCS	1,0	bộ
	Uclevis loại lớn	1,0	cái
	Sứ ống chỉ	1,0	cái
	Bulông mắt 16x50	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	1,0	bộ
	Kẹp Splitbolt Cu-AL cỡ dây 50-70mm ²	2,0	cái
	Lắp Uclevis + sứ ống chỉ	1,0	bộ
38	Bộ khóa néo dây trung hòa vào cột - Nth-T dâyAC240	1,0	bộ
	Khóa néo cho dây 185-240 (1cái)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	2,0	cái
	Bulông mắt 16x300 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) (1cái)	1,0	cái
39	Bộ khóa néo dây trung hòa vào cột ghép - Nth-T-2 dâyAC240	1,0	bộ
	Khóa néo cho dây 185-240 (1cái)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	2,0	cái
	Bulông mắt 16x600 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) (1cái)	1,0	cái
40	Bộ khóa néo dây trung hòa vào cột - Nth-T dây AC150	1,0	bộ
	Khóa néo cho dây 150 (1cái)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	2,0	cái
	Bulông mắt 16x300 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) (1cái)	1,0	cái
41	Bộ khóa néo dây trung hòa vào cột ghép - Nth-T-2 dây AC150	1,0	bộ
	Khóa néo cho dây 150 (1cái)	1,0	cái
	Móc treo chữ U	2,0	cái
	Bulông mắt 16x600 (1bộ)	1,0	bộ
	Long đèn vuông ĐK 18	2,0	bộ
	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²) (1cái)	1,0	cái
42	Bộ cách điện đứng 24kV loại pinpost - 25mm/kV - chuẩn F-SDU-PP-24kV	1,0	bộ
	Sứ đứng 24KV- Loại Pinpost (1cái)	1,0	cái
	Ty sứ đứng 24KV (1cái)	1,0	cái
	Lắp sứ đứng 24kV	1,0	sứ
43	Chuỗi cách điện néo Polymer 24kV- 70kN (dây ACXH240) Lắp vào xà - CDN Polymer-X-G	1,0	chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (1cái)	1,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (2 cái)	2,0	cái
	Giáp néo cỡ dây ACXH240 (1cái)	1,0	cái
	Mắt nối yếm cáp (1cái)	1,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer	1,0	chuỗi
44	Chuỗi cách điện néo kép polymer 24kV 70KN-25mm/kV Lắp vào xà: CDN POLYMER-G-X-K dây ACXH240	1,0	chuỗi
	Cách điện treo Polymer 24kV-70KN (2 cái/chuỗi)	2,0	chuỗi
	Móc treo chữ U (9 cái/chuỗi)	9,0	cái
	Giáp néo cỡ dây ACX185 (1cái)	1,0	cái
	Khánh đơn (2cái)	2,0	cái
	Lắp chuỗi sứ néo Polymer kép	1,0	chuỗi
45	Phần dây, sứ và phụ kiện đường dây trung thế xây dựng mới	1	Bộ
45.1	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 70/11 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	2.262,7	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính(4)
45.2	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 150/19 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	2.595,7	kg
45.3	Dây dẫn nhôm lõi thép trần AC 240/32 (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3.290,5	kg
45.4	Dây nhôm lõi thép ACXH-24KV-240mm ² (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	27.496,2	mét
45.5	Kẹp ép WR 929 (ép dây 120-240mm ²)	532,0	cái
45.6	Bọc cách điện chữ H	378,0	cái
45.7	Bulông móc 16x300	68,0	bộ
45.8	Bulông móc 16x650	21,0	bộ
45.9	Long đèn vuông ĐK 18	178,0	bộ
45.10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm ²	1,0	cái
45.11	Dây AC95 buộc sứ ống chỉ	30,3	kg
45.12	Giáp buộc sứ đơn phi từ tính 185-240mm ²	622,0	cái
45.13	Giáp buộc sứ đôi phi từ tính 185-240mm ²	148,0	cái
45.14	Chụp bảo vệ LA	63,0	cái
45.15	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-70/11	8,096	km
45.16	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-150/19	4,594	km
45.17	Kéo rải căng dây lấy độ võng dây dẫn nhôm lõi thép trần AC-240/32	3,503	km
45.18	Kéo rải căng dây lắp độ võng dây nhôm lõi thép chống thấm cách điện ACXH-240mm ²	26,957	km
46	Phần thiết bị đường dây trung thế xây dựng mới (Nhà thầu chào đơn giá nhân công đối với các thiết bị do bên A cung cấp)	1,0	Trọn bộ
	DS 24KV 630A 1P O.D (Cách điện Polymer) (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ
	Chống sét van LA 18kV - 10kA (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	63,0	bộ
47	Phần thiết bị LBS trung thế xây dựng mới (Nhà thầu chào đơn giá nhân công đối với các thiết bị do bên A cung cấp)	1,0	Trọn bộ
47.1	Phần thiết bị LBS	1,0	Bộ
	Dao cắt tải (LBS) 3 pha 24kV 630A 16kA kèm theo tủ điều khiển có kết nối SCADA và trọn bộ phụ kiện (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	1,0	bộ
	DS 24KV 630A 1P O.D (VT do Công ty Điện lực Đồng Tháp cung cấp)	3,0	bộ